THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1086/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 1421/QĐ-TTg ngày 17/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 422/BC-HĐTĐ ngày 17/01/2023 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh về việc thẩm định Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Báo cáo ĐMC của Quy hoạch;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái tại Tờ trình số 79/TTr-UBND ngày 24/8/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; ý kiến của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh tại Văn bản số 3935/CV-HĐTĐ ngày 25/5/2023; ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 4858/BKHĐT-QLQH ngày 23/6/2023 và Văn bản số 7191/BKHĐT-QLQH ngày 31/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch tỉnh) với những nội dung chủ yếu sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi, ranh giới lập Quy hoạch tỉnh Yên Bái bao gồm toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Yên Bái, với tổng diện tích tự nhiên 6.892,67 km^2, với 09 đơn vị hành chính cấp huyện gồm: Thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và 07 huyện (Mù Cang Chải, Trạm Tấu, Văn Chấn, Văn Yên, Trấn Yên, Lục Yên, Yên Bình). Có tọa độ địa lý từ $21^0$24' đến $22^0$16' vĩ độ Bắc và từ $103^0$56' đến $105^0$03' kinh độ Đông. Phía Bắc và Tây Bắc tiếp giáp với tỉnh Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu; phía Nam tiếp giáp với tỉnh Phú Thọ; phía Đông tiếp giáp với tỉnh Tuyên Quang; phía Tây và Tây Nam tiếp giáp với tỉnh Sơn La.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Phù hợp với đường lối, chủ trương, định hướng của Đảng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước giai đoạn 2021 - 2030, Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng trung du và miền núi Bắc Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Đổi mới mô hình tăng trưởng, xây dựng và phát triển tỉnh Yên Bái trên cơ sở khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo động lực phát triển nhanh và bền vững. Phát triển hài hòa các khu vực kinh tế; đưa kinh tế tư nhân thực sự trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế.

c) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; quan tâm phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; giảm nghèo nhanh, bền vững, thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của Nhân dân.

d) Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, tăng cường mở rộng hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả, trọng tâm là hội nhập kinh tế quốc tế, khai thác tối đa nguồn lực quốc tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Phát huy sức mạnh đại đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển; khai thác hiệu quả mọi tiềm năng, lợi thế; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển nhanh, toàn diện, bền vững theo hướng "Xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc"; phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng con người Yên Bái "thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập"; bảo vệ môi trường sinh thái, sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu đưa Yên Bái nằm trong nhóm 05 tỉnh phát triển hàng đầu của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.

b) Mục tiêu cụ thể

- Về kinh tế

+ Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đạt 8,5%/năm.

+ Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm khoảng 14,8%; công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 39,0%; dịch vụ chiếm khoảng 41,5%; thuế sản phẩm, trừ trợ cấp sản phẩm chiếm khoảng 4,7%.

+ GRDP bình quân đầu người đạt trên 125 triệu đồng.

+ Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân từ 15% - 18%/năm.

+ Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 280.000 tỷ đồng. Đóng góp tổng vốn đầu tư phát triển trong GRDP bình quân từ 43% - 48%.

+ Kinh tế số chiếm 13,5% GRDP.

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt từ 28% - 30%.

+ Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt 7,3%/năm.

- Về xã hội

+ Tốc độ tăng dân số trung bình đạt 0,92%/năm.

+ Tuổi thọ trung bình người dân đạt 75 tuổi; số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm.

+ Chỉ số hạnh phúc của người dân tăng 25% so với năm 2020.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt 45%.

+ Tỷ lệ chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 đạt 2,0%/năm, giai đoạn 2026 - 2030 đạt 1,5%/năm.

+ Tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2022 - 2025 giảm bình quân 3,3%/năm theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025; giai đoạn 2026 - 2030 giảm bình quân 2,0 - 2,5%/năm theo chuẩn nghèo từng thời kỳ.

+ Có 15 bác sỹ trên 1 vạn dân; 37 giường bệnh trên 1 vạn dân; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 97%.

+ Đến năm 2030, có 7 đơn vị hành chính cấp huyện đạt chuẩn hoặc hoàn thành xây dựng nông thôn mới, trong đó 1 huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 2 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 90% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Về mức sống dân cư, bảo vệ môi trường

+ Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 95%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn đạt 50%.

+ Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn đô thị trên 95%; phấn đấu 100% chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý theo phương pháp đốt truyền thống và đốt có thu hồi năng lượng, tăng cường khả năng tái chế, tái sử dụng, xử lý kết hợp sản xuất phân hữu cơ.

+ Tỷ lệ thu gom chất thải rắn nông thôn đạt trên 60%; phấn đấu toàn bộ lượng chất thải rắn nông thôn đã thu gom được xử lý tập trung. Đối với lượng chất thải rắn nông thôn không thu gom tập trung thì tận dụng tối đa lượng chất thải hữu cơ để tái sử dụng, tái chế, làm phân compost hoặc tự xử lý tại các hộ gia đình thành phân compost để sử dụng tại chỗ, bảo đảm hợp vệ sinh.

+ Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 95%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn công nghiệp được xử lý đạt 100%.

+ Tỷ lệ nước thải được thu gom, xử lý tại các khu dân cư đô thị đạt 100%, tại các khu dân cư nông thôn đạt 75%.

+ Tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 100%.

+ Tỷ lệ che phủ rừng giữ ổn định khoảng 63%.

3. Tầm nhìn phát triển đến năm 2050

Phấn đấu trở thành tỉnh phát triển toàn diện, bền vững, xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc; thuộc nhóm các tỉnh phát triển hàng đầu trong vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, là hình mẫu phát triển xanh của vùng và cả nước. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đô thị đồng bộ, thông minh, hiện đại; bản sắc văn hóa các dân tộc được bảo tồn và phát huy; môi trường sinh thái được bảo vệ, xã hội hài hòa với thiên nhiên; đời sống của người dân hạnh phúc; quốc phòng - an ninh được bảo đảm vững chắc.

4. Các đột phá phát triển

a) Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả gắn với tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế.

b) Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là nâng cao chất lượng nhân lực khu vực nông nghiệp, nông thôn, nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

c) Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong quản lý, phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển dịch vụ đào tạo gắn với nghiên cứu và triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh, lấy doanh nghiệp làm trung tâm, từng bước đưa dịch vụ khoa học - công nghệ trở thành lĩnh vực đóng góp quan trọng vào tăng trưởng và phát triển của tỉnh.

d) Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư, trước hết là đầu tư công; thu hút tối đa nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là hạ tầng giao thông (giao thông liên kết nội vùng, liên kết với vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Thủ đô Hà Nội), thủy lợi; hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, chuyển đổi số; hạ tầng liên kết nông thôn với đô thị, liên kết nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, liên kết vùng, đáp ứng yêu cầu phát triển; sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản,...

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC QUAN TRỌNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng

a) Nông, lâm nghiệp, thủy sản

Tập trung cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng, đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới hiện đại, bền vững. Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, sạch, hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, thông minh. Phát triển lâm nghiệp đa mục tiêu, nâng cao chất lượng, hiệu quả rừng trồng gỗ lớn, phát triển dược liệu dưới tán rừng. Phát huy lợi thế so sánh, sự đa dạng các vùng sinh thái, phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc sản, hữu cơ, OCOP gắn với phát triển du lịch, dịch vụ, công nghiệp chế biến, bảo quản, tiêu thụ, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Hình thành và phát triển các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; thu hút, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

b) Công nghiệp

Phát triển công nghiệp theo hướng bền vững, hiệu quả, thân thiện với môi trường. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chủ lực, có lợi thế cạnh tranh như: Chế biến nông lâm sản gắn với khai thác, phát triển vùng nguyên liệu, trọng tâm là chế biến gỗ rừng trồng công nghệ cao, đưa Yên Bái trở thành một trong các trung tâm chế biến lâm sản của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ; khai thác và chế biến sâu khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp; cơ khí, điện tử, công nghiệp phụ trợ; phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; đồng thời, phát triển hợp lý một số ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động địa phương như dệt may, da giày. Ưu tiên lựa chọn các dự án công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, thân thiện với môi trường, công

nghệ sinh học. Tiếp tục hỗ trợ phát triển công nghiệp nông thôn, làng nghề gắn với chế biến, tiêu thụ nông lâm sản. Đẩy mạnh phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết chặt chẽ giữa công nghiệp với nông nghiệp và các ngành dịch vụ liên quan như: Thương mại, vận tải, logistics, xuất nhập khẩu…

c) Dịch vụ

- Tập trung nguồn lực phát triển một số ngành dịch vụ có tiềm năng, lợi thế như: Du lịch, thương mại, giáo dục, đào tạo nghề, y tế, chăm sóc sức khoẻ, tài chính, ngân hàng, logistics, vận tải,... theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu quả, nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh.

- Du lịch: Phát triển du lịch xanh, bản sắc, hấp dẫn, trở thành ngành kinh tế quan trọng; hoàn thiện hạ tầng du lịch, phát triển các tuyến du lịch, sản phẩm du lịch chất lượng cao, đa dạng, đưa Yên Bái trở thành một trong những điểm đến du lịch hàng đầu của khu vực Tây Bắc với thương hiệu "điểm đến an toàn, thân thiện, bản sắc, hấp dẫn, ấn tượng". Tập trung đầu tư phát triển một số loại hình du lịch, như: Du lịch sinh thái, trải nghiệm; du lịch nghỉ dưỡng; du lịch văn hóa - lịch sử - tín ngưỡng; du lịch cộng đồng. Chú trọng phát triển du lịch gắn với nông nghiệp, bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc, di sản văn hóa và các danh tham thắng cảnh,...

- Thương mại, logicstics: Phát triển thương mại, nhất là thương mại điện tử theo hướng hiện đại, văn minh, tăng trưởng nhanh và bền vững, là nhân tố quan trọng kết nối và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại hiện đại, vận hành dựa trên công nghệ số hóa. Phát triển logistics trở thành một trong những trụ cột tăng trưởng của khu vực dịch vụ, phấn đấu xây dựng Yên Bái trở thành một trong các trung tâm logistics của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.

2. Phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội; các khu vực hạn chế phát triển và phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện

a) Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

- Hình thành các trục kinh tế

+ Trục dọc kết nối Bắc - Nam

Trục thứ nhất: Dọc theo tuyến đường bộ cao tốc Nội Bài - Lào Cai (CT.05), tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai và tuyến đường thủy nội địa trên sông Hồng (Lào Cai - Yên Bái - Việt Trì - Hà Nội) là trục kinh tế huyết mạch thuộc hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, đi qua vùng trung

tâm tỉnh Yên Bái (gồm thành phố Yên Bái và các huyện Trấn Yên, Văn Yên); định hướng phát triển kinh tế tổng hợp, công nghiệp hỗ trợ, logistics, thương mại, giáo dục, y tế, du lịch, nông nghiệp sinh thái.

Trục thứ hai: Dọc theo tuyến Quốc lộ 70, đi qua trung tâm vùng phía Đông tỉnh Yên Bái (gồm các huyện Yên Bình, Lục Yên); định hướng phát triển đô thị, công nghiệp, du lịch, lâm nghiệp, dược liệu.

Trục thứ ba: Dọc theo tuyến Quốc lộ 32 đi qua trung tâm vùng phía Tây của tỉnh (gồm thị xã Nghĩa Lộ và các huyện Văn Chấn, Mù Cang Chải, Trạm Tấu); định hướng phát triển đô thị, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, du lịch mạo hiểm, nông nghiệp sinh thái, thương mại dịch vụ,...

+ Trục ngang kết nối Đông - Tây

Trục thứ tư: Được hình thành từ nâng cấp các tuyến đường tỉnh: ĐT.175, ĐT.174 và tuyến đường Trạm Tấu (Yên Bái) - Bắc Yên (Sơn La) thành tuyến QL.32D nối với tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai qua nút giao IC14, kết nối các huyện Trạm Tấu, Văn Chấn, Văn Yên và thị xã Nghĩa Lộ với huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La; đồng thời từ nút giao IC14 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai kết nối ngang Đông - Tây các huyện huyện Yên Bình, Lục Yên với huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang theo tuyến đường quy hoạch nối đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai với Hà Giang (CT.12); định hướng phát triển công nghiệp hỗ trợ, logistics, du lịch, đô thị, nông nghiệp sinh thái, lâm nghiệp.

Trục thứ năm: Theo trục giao thông được hình thành mới nối huyện Mù Cang Chải với cao tốc Nội Bài - Lào Cai tại nút giao IC15, huyện Văn Yên (tuyến đường liên vùng kết nối Mường La (Sơn La), Than Uyên, Tân Uyên (Lai Châu), Mù Cang Chải, Văn Chấn, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)), theo các tuyến đường tỉnh hiện có và tuyến đường quy hoạch (đường Khánh Hòa - Văn Yên, ĐT.171 đi huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang); định hướng phát triển du lịch, công nghiệp, dịch vụ, logistics, lâm nghiệp.

Trục thứ sáu: Dọc theo tuyến Quốc lộ 37, là hành lang kết nối phía Nam tỉnh Yên Bái (gồm thành phố Yên Bái và các huyện Yên Bình, Trấn Yên, Văn Chấn); định hướng phát triển trung tâm thương mại, logicstic, giáo dục, y tế, du lịch.

- Hình thành hai trung tâm động lực kinh tế quan trọng là thành phố Yên Bái - huyện Yên Bình và thị xã Nghĩa Lộ

+ Trung tâm đô thị thành phố Yên Bái và huyện Yên Bình: Đô thị trung tâm chính trị, hành chính, văn hóa, khoa học - công nghệ, y tế, giáo dục, dịch vụ, du lịch,...

+ Trung tâm đô thị Nghĩa Lộ: Đô thị văn hóa di sản gắn với thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao,...

- Hình thành các vùng kinh tế - xã hội theo hiện trạng tự nhiên và định hướng xu thế phát triển mới

+ Vùng kinh tế thành phố Yên Bái (gồm thành phố Yên Bái và các huyện Trấn Yên, Văn Yên): Đầu tư phát triển thành một trong các trung tâm động lực kinh tế của tỉnh, trong đó, phát triển thành phố Yên Bái là một trong các trung tâm kinh tế trên tuyến hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; là đầu tàu kinh tế của tỉnh, là trung tâm chính trị, hành chính, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, khoa học - công nghệ, giáo dục, văn hóa, thể thao, y tế.

+ Vùng kinh tế phía Tây (gồm thị xã Nghĩa Lộ và các huyện Văn Chấn, Mù Cang Chải, Trạm Tấu): Đầu tư phát triển thành một trong các trung tâm động lực kinh tế của tỉnh, trong đó, phát triển thị xã Nghĩa Lộ là thị xã văn hóa du lịch - trung tâm kinh tế, văn hóa, thương mại, dịch vụ, du lịch của vùng; phát triển huyện Văn Chấn trở thành trung tâm động lực phát triển kinh tế phía Tây; huyện Mù Cang Chải trở thành huyện du lịch.

+ Vùng kinh tế phía Đông (gồm các huyện Yên Bình, Lục Yên): Phát triển các khu công nghiệp khai thác, chế biến sâu khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp trên địa bàn huyện Lục Yên, Yên Bình, phát triển khu du lịch quốc gia hồ Thác Bà trở thành một trong các trung tâm du lịch trọng điểm của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Định hướng phát triển theo ngành, lĩnh vực

+ Vùng phát triển kinh tế nông nghiệp chủ đạo: (i) Vùng sản xuất lúa hàng hóa tại thị xã Nghĩa Lộ và các huyện Văn Chấn, Văn Yên, Lục Yên, Trấn Yên, Yên Bình; (ii) Vùng trồng sắn chuyên canh tại các huyện Văn Yên, Yên Bình, Văn Chấn, Lục Yên; (iii) Vùng trồng rau tập trung chuyên canh tại thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và các huyện Văn Yên, Mù Cang Chải; (iv) Vùng trồng dâu nuôi tằm tập trung tại các huyện Trấn Yên, Văn Yên, Văn Chấn; (v) Vùng trồng cây ăn quả tại thị xã Nghĩa Lộ và các huyện Văn Chấn, Trấn Yên, Văn Yên, Lục Yên, Yên Bình, Mù Cang Chải, Trạm Tấu; (vi) Vùng trồng chè tập trung tại các huyện

Văn Chấn, Yên Bình, Trấn Yên, Lục Yên, Trạm Tấu, Nghĩa Lộ; (vii) Vùng trồng cây cao su tại các huyện Văn Chấn, Văn Yên; (viii) Phát triển chăn nuôi tập trung tại các huyện Văn Yên, Văn Chấn, Lục Yên, Yên Bình, Trấn Yên, Trạm Tấu, Mù Cang Chải; (ix) Phát triển vùng nuôi trồng thủy sản chuyên canh tại các huyện Yên Bình, Trấn Yên, Lục Yên, Văn Yên, Văn Chấn,...

+ Vùng phát triển kinh tế lâm nghiệp chủ đạo: (i) Vùng trồng quế tại các huyện Văn Yên, Trấn Yên, Văn Chấn, Lục Yên; (ii) Vùng trồng tre măng Bát Độ tại các huyện Trấn Yên, Văn Yên, Lục Yên, Yên Bình; (iii) Vùng trồng cây sơn tra tại các huyện Mù Cang Chải, Trạm Tấu; (iv) Vùng trồng cây mắc-ca tại các huyện Văn Chấn, Mù Cang Chải và các huyện khác có điều kiện phù hợp; (v) Vùng rừng trồng gỗ nguyên liệu, rừng trồng gỗ lớn tại các huyện Văn Chấn, Văn Yên, Trấn Yên, Lục Yên, Yên Bình,...

+ Vùng nông nghiệp tập trung gắn với phát triển du lịch: (i) Vùng hồ Thác Bà và dọc sông Chảy: Tập trung phát triển các cánh đồng lúa, cây ăn quả, cây dược liệu, chè, nuôi trồng thủy sản; (ii) Vùng thành phố Yên Bái và vùng phụ cận: Phát triển các sản phẩm truyền thống, như: Chè hữu cơ, rau an toàn, nuôi trồng thủy sản; (iii) Vùng miền Tây: Bảo tồn, gìn giữ không gian cánh đồng Mường Lò; phát triển các vùng trồng lúa ruộng bậc thang, trồng hoa, cây dược liệu, cây ăn quả, chè, quế; (iv) Vùng Bắc Trấn Yên - Văn Yên: Tập trung phát triển dược liệu, quế, dâu tằm, nuôi trồng thủy sản.

+ Vùng phát triển kinh tế công nghiệp: (i) Vùng phát triển công nghiệp trung tâm: Phát triển trên tuyến hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, kết nối với tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai tại thành phố Yên Bái, huyện Trấn Yên và huyện Văn Yên; (ii) Vùng phát triển công nghiệp phía Đông: Phát triển dọc theo tuyến Quốc lộ 70 và tuyến đường nối đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (nút giao IC14) với Hà Giang (CT.12) tại các huyện Yên Bình, Lục Yên.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

b) Các khu vực hạn chế phát triển

- Các khu vực bảo tồn thiên nhiên; các hành lang đa dạng sinh học; các khu vực nông, lâm nghiệp có chức năng kết hợp làm vành đai sinh thái: Hạn chế phát triển đô thị, các hoạt động kinh tế có nguy cơ tác động môi trường cao.

- Khu vực bảo tồn, tôn tạo công trình kiến trúc, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh: Hạn chế phát triển các hoạt động kinh tế có tác động môi trường cao.

- Khu vực ven sông, suối chịu ảnh hưởng bởi lũ ống, lũ quét: Hạn chế phát triển đô thị, di dời dân cư đến các khu vực an toàn.

c) Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện

Tỉnh Yên Bái có 09 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: 01 thành phố, 01 thị xã và 07 huyện, phương án sắp xếp thời kỳ 2023 - 2030:

- Giai đoạn 2023 - 2025: Không có đơn vị hành chính cấp huyện thuộc diện phải sắp xếp.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% quy định.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN VÀ CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn

a) Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

Đến năm 2030, toàn tỉnh có 26 đô thị, gồm:

- 01 đô thị loại II (thành phố Yên Bái): Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, đạt tiêu chí đô thị loại II, là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, y tế giáo dục của tỉnh Yên Bái; là đô thị văn hóa, sinh thái kết hợp phát triển kinh tế, trong đó công nghiệp hỗ trợ cho phát triển nông nghiệp và dịch vụ mang tính đặc trưng của các tỉnh miền núi phía Bắc; là trung tâm giao lưu, kết nối giữa vùng Tây Bắc với vùng Đông Bắc; vùng trung du và miền núi Bắc Bộ với vùng Thủ đô Hà Nội, đồng bằng Bắc Bộ; là đầu mối giao thông trung chuyển quan trọng gắn với hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

- 01 đô thị loại III (thị xã Nghĩa Lộ): Là vùng du lịch văn hóa nhân văn, sinh thái bền vững, gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di sản, cảnh quan thiên nhiên; là đô thị vệ tinh cầu nối trong chuỗi đô thị của hành lang Đông Tây.

- 04 đô thị loại IV: thị trấn Yên Bình (huyện Yên Bình), thị trấn Yên Thế (huyện Lục Yên), thị trấn Cổ Phúc (huyện Trấn Yên), thị trấn Mậu A (huyện Văn Yên).

- 20 đô thị loại V: 03 thị trấn huyện lỵ (thị trấn Mù Cang Chải, thị trấn Sơn Thịnh, thị trấn Trạm Tấu); 02 thị trấn nông trường (thị trấn nông trường Liên Sơn, thị trấn nông trường Trần Phú), huyện Văn Chấn; 01 thị trấn trực thuộc huyện (thị trấn Thác Bà), huyện Yên Bình; 14 đô thị mới (đô thị Hưng Khánh, đô thị Báo Đáp, đô thị Vân Hội, huyện Trấn Yên; đô thị An Thịnh, đô thị Xuân Ái, đô thị An Bình (Trái Hút), huyện Văn Yên; đô thị Khánh Hòa, huyện Lục Yên; đô thị Cảm Ân, đô thị Cảm Nhân, huyện Yên Bình; đô thị Tú Lệ, đô thị Cát Thịnh, đô thị Tân Thịnh, đô thị Gia Hội, huyện Văn Chấn; đô thị Púng Luông, huyện Mù Cang Chải).

b) Phương án quy hoạch khu vực nông thôn

- Việc sắp xếp, bố trí lại không gian phát triển nông thôn bảo đảm tiết kiệm quỹ đất, chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện vật chất cho người dân, thuận tiện trong sản xuất và ổn định lâu dài, tránh các khu vực có nguy cơ sạt lở cao, thường xảy ra lũ quét, lũ ống.

- Đối với các trung tâm đô thị lớn (thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ): Phát triển nông thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, xanh, chủ yếu phát triển các ngành nghề mới và chuyên môn hóa như sản xuất tiểu thủ công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Hoạt động sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao.

- Đối với các huyện trong tỉnh

+ Phát triển vùng sản xuất lúa chất lượng cao tại các huyện, thị xã: Thị xã Nghĩa Lộ (cánh đồng Mường Lò); huyện Văn Yên (cánh đồng Đại Phú An - Đông Cuông); huyện Lục Yên (cánh đồng Mường Lai - Vĩnh Lạc - Liễu Đô, Mai Sơn - Khánh Thiện); huyện Trấn Yên, Yên Bình, Văn Chấn.

+ Phát triển vùng trồng sắn tập trung tại các huyện Văn Yên, Văn Chấn, Yên Bình; vùng tre măng Bát Độ tập trung tại các huyện Trấn Yên, Văn Yên, Lục Yên, Yên Bình; vùng trồng cây Sơn Tra dưới tán rừng phòng hộ tại các huyện Mù Cang Chải, Trạm Tấu.

+ Phát triển vùng trồng cây ăn quả tập trung, chuyên canh tại các huyện Văn Chấn, thị xã Nghĩa Lộ (cây ăn quả có múi), Lục Yên (cam sành, na), Yên Bình (bưởi, chuối), Văn Chấn, Văn Yên (nhãn, chuối), Mù Cang Chải (mận, lê, đào).

+ Phát triển vùng chè chuyên canh tập trung tại các huyện Văn Chấn, Yên Bình, Trấn Yên, Lục Yên; vùng trồng dâu nuôi tằm tập trung tại các huyện Trấn Yên, Văn Yên, Văn Chấn; vùng trồng cây dược liệu tại các huyện Văn Chấn, Trạm Tấu, Mù Cang Chải, Yên Bình, Văn Yên; vùng trồng quế tập trung tại các huyện Văn Yên, Văn Chấn, Trấn Yên, Lục Yên, Yên Bình.

+ Phát triển vùng chăn nuôi tập trung tại các huyện Văn Yên, Văn Chấn, Lục Yên, Yên Bình, Trấn Yên, Trạm Tấu, Mù Cang Chải; vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại các huyện Yên Bình, Trấn Yên, Lục Yên, Văn Yên, Văn Chấn,...

+ Giữ ổn định vùng trồng cây cao su tại huyện Văn Chấn và Văn Yên; phát triển rừng trồng gỗ nguyên liệu tại tất cả các địa phương trong tỉnh.

- Phát triển làng nghề: Khôi phục, phát triển các làng nghề đan xen trong các khu dân cư nông thôn, kết hợp hài hòa giữa công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại; phát triển tiểu thủ công nghiệp nông thôn phù hợp với điều kiện của từng địa phương, bảo tồn bản sắc dân tộc.

- Điểm dân cư nông thôn: Hình thành các khu dân cư tập trung quy mô vừa và lớn, liên kết chặt chẽ với mạng lưới đô thị nhằm đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, phát triển kinh tế gắn với vùng sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương và định hướng phát triển của tỉnh.

c) Phương án sắp xếp đơn vị hành chính các đô thị: Căn cứ các tiêu chuẩn theo quy định, giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Yên Bái có 01 thị trấn Trạm Tấu, huyện Trạm Tấu (đô thị loại V) thuộc diện phải sắp xếp, tuy nhiên thị trấn Trạm Tấu có vị trí trọng yếu về quốc phòng, an ninh, do đó không thực hiện sắp xếp.

3. Phương án quy hoạch các khu chức năng

a) Hệ thống khu, cụm công nghiệp

- Khu công nghiệp: Đến năm 2030, giữ nguyên diện tích 03 khu công nghiệp Phía Nam, Âu Lâu, Trấn Yên; mở rộng diện tích khu công nghiệp Minh Quân; quy hoạch phát triển mới 04 khu công nghiệp Y Can, Đông An, Thịnh Hưng, Lục Yên.

- Cụm công nghiệp: Đến năm 2030, giữ nguyên diện tích 06 cụm công nghiệp Thịnh Hưng, Sơn Thịnh, Báo Đáp, Hưng Khánh, Đông An, Minh Quân; quy hoạch phát triển mới 16 cụm công nghiệp. Đưa ra khỏi quy hoạch 03 cụm công nghiệp: Đầm Hồng, Bảo Hưng, Tây cầu Mậu A; mở rộng 02 cụm công nghiệp Âu Lâu, Yên Thế; giảm diện tích cụm công nghiệp Bắc Văn Yên.

(Chi tiết tại Phụ lục II, III kèm theo)

b) Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Hình thành, phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung ứng dụng công nghệ cao nhằm giảm thiểu việc thâm dụng lao động và đất đai; tập trung thu hút, đầu tư thâm dụng vốn và công nghệ, tạo đà phát triển kinh tế - xã hội. Định hướng phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (UDCNC), như: Vùng chè tại huyện Văn Chấn; vùng trồng cây ăn quả tại các huyện Văn

Chấn và Yên Bình; vùng trồng rau tại thành phố Yên Bái; vùng chăn nuôi lợn và gia cầm tại các huyện Văn Yên, Văn Chấn, Yên Bình, Lục Yên, Trấn Yên; vùng nuôi trồng thủy sản trên hồ Thác Bà; xây dựng Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại huyện Trấn Yên.

c) Khu du lịch

- Tập trung thu hút đầu tư, xây dựng 02 khu du lịch có quy mô lớn, thương hiệu nổi bật, tạo sức lan tỏa cho phát triển du lịch của tỉnh và định hướng bảo đảm các tiêu chuẩn, tiêu chí khu du lịch quốc gia, gồm: Khu du lịch quốc gia hồ Thác Bà, khu du lịch quốc gia Mù Cang Chải.

- Đầu tư phát triển các khu du lịch cấp tỉnh: Khu du lịch Suối Giàng (huyện Văn Chấn); khu du lịch Trạm Tấu (huyện Trạm Tấu); khu du lịch Văn Yên (huyện Văn Yên); khu du lịch hồ Vân Hội (huyện Trấn Yên); khu du lịch văn hóa Nghĩa Lộ (thị xã Nghĩa Lộ).

- Đầu tư phát triển sân gôn tại khu vực hồ Thác Bà trên địa bàn các huyện Lục Yên, Yên Bình; khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp với sân gôn khu vực hồ Đầm Hậu, xã Minh Quân, xã Vân Hội, xã Việt Hồng, huyện Trấn Yên.

d) Khu nghiên cứu, đào tạo

- Mở rộng khu sản xuất, trạm nghiên cứu, thực nghiệm, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ tại thành phố Yên Bái. Khuyến khích xã hội hóa trong đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị; tự chủ trong quản lý và điều hành, kết nối với các doanh nghiệp bảo đảm nguồn lao động được đào tạo kiến thức và kỹ năng được cập nhật, đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp.

- Phát triển Trường Cao đẳng Yên Bái để đào tạo nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao trong các lĩnh vực văn hóa, du lịch, y tế, sư phạm. Đổi mới, sắp xếp tổ chức hoạt động của các trường trung cấp nghề, mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với quy mô hợp lý, phù hợp với định hướng phát triển.

đ) Khu bảo tồn

Bảo tồn gắn với phát triển du lịch sinh thái, trải nghiệm, khám phá tại khu bảo tồn thiên nhiên Nà Hẩu, khu bảo tồn loài và sinh cảnh Mù Cang Chải, khu vực chè Shan Tuyết cổ thụ;... Tu bổ, phục hồi di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn.

e) Khu quân sự, an ninh

Thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và theo các quy định hiện hành.

g) Phương án phát triển khu vực có vai trò động lực

Các khu vực có mức độ đô thị hóa cao, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng GRDP của tỉnh, và có tác động lan tỏa sản xuất ra vùng ngoại vi và các địa phương khác trong tỉnh, gồm các khu vực: Thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ, huyện Yên Bình và huyện Văn Yên. Hoạt động kinh tế chính là công nghiệp chế biến, du lịch, thương mại, dịch vụ hỗ trợ sản xuất và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;...

h) Phương án phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

- Ưu tiên tập trung phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, lựa chọn một số loại cây trồng, vật nuôi phù hợp; xây dựng các mô hình phát triển kinh tế trang trại quy mô vừa để vừa thu hút lao động là người dân sinh sống tại địa phương.

- Sắp xếp lại dân cư các vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai về các cụm xã, các khu vực có điều kiện sắp xếp.

- Tăng cường thu hút, xã hội hóa các nguồn vốn đầu tư, lồng ghép nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất. Hoàn thiện hạ tầng giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông thôn, xóm, hạ tầng cấp, thoát nước, xử lý rác thải, điện và hạ tầng khác.

- Đẩy mạnh thực hiện các chính sách về y tế, văn hóa, giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng dân số; đẩy mạnh công tác giáo dục, đào tạo nghề cho người dân tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn cung cấp lao động cho các vùng sản xuất tập trung, các khu, cụm công nghiệp nhằm chuyển dịch cơ cấu lao động.

- Ban hành một số chính sách đặc thù hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm, tăng thu nhập cho con em đồng bào dân tộc sau khi học tập ra trường.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông vận tải

a) Đường bộ

- Các tuyến đường cao tốc: Phối hợp với các bộ, ngành trung ương và các địa phương liên quan đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (06 làn xe) theo quy hoạch; đầu tư xây dựng mới tuyến đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai với Hà Giang (CT.12).

- Các tuyến đường quốc lộ: Đầu tư nâng cấp, cải tạo các tuyến đường quốc lộ hiện có, như: Quốc lộ 37, Quốc lộ 70, Quốc lộ 32, Quốc lộ 32C, Quốc lộ 2D; quy hoạch mới 02 tuyến Quốc lộ 32D, Quốc lộ 3B.

- Các tuyến đường tỉnh: Đầu tư nâng cấp, cải tạo các tuyến đường hiện có, như: ĐT.163; ĐT.164; ĐT.165; ĐT.166; ĐT.170; ĐT.171; ĐT.172; ĐT.173; ĐT.175B. Quy hoạch mới một số tuyến, như: Tuyến đường tránh QL.37 thành phố Yên Bái kết nối huyện Yên Bình với huyện Trấn Yên; Tuyến đường kết nối ĐT.172, QL.37, QL.32D với tuyến đường QL.32 đi cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15); Tuyến đường nối ĐT.170, QL.70, ĐT.163, ĐT.166 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; Đường nối Tỉnh lộ 170 và Quốc lộ 70 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (đoạn An Phú - Tân Nguyên - Mậu A); Đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14) - QL.70 - Tân Nguyên; Đường kết nối Mường La (Sơn La), Than Uyên, Tân Uyên (Lai Châu), Mù Cang Chải, Văn Chấn, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15); Đường nối Quốc lộ 32 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14); Đường nối Quốc lộ 32 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15); Đường kết nối huyện Đoan Hùng (Phú Thọ), huyện Yên Sơn (Tuyên Quang) với huyện Yên Bình, thành phố Yên Bái (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lài Cai (IC12); Đường kết nối An Phú, Minh Tiến, Liễu Đô, Mường Lai (Lục Yên, tỉnh Yên Bái) với Đồng Yên, (Bắc Quang, tỉnh Hà Giang)... các tuyến đường đô thị, đường liên tỉnh, liên huyện, liên xã khác trên địa bàn tỉnh.

- Các công trình cầu: cầu Giới Phiên, cầu Tuy Lộc, thành phố Yên Bái, cầu Nga Quán, cầu Báo Đáp, huyện Trấn Yên, cầu Đông Cuông, huyện Văn Yên; cầu Tô Mậu vượt sông Chảy trên tuyến ĐT.171 (Khánh Hòa - Minh Xuân), huyện Lục Yên; cầu vượt hồ Thác Bà trên tuyến đường nối Tỉnh lộ 170 và Quốc lộ 70 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (đoạn An Phú - Tân Nguyên - Mậu A); cầu Đại Minh (vượt sông Chảy), cầu vượt hồ Thác Bà trên tuyến đường nối ĐT.170, QL.70, ĐT.163, ĐT.166 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; đồng thời xây dựng các cầu trung, cầu nhỏ khác trên các tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường giao thông nông thôn đi các xã, phường, thị trấn.

b) Đường sắt: Phối hợp với các bộ, ngành trung ương và các địa phương liên quan đầu tư nâng cấp, cải tạo để duy trì khai thác hiệu quả tuyến đường sắt khổ 1.000mm (Hà Nội - Lào Cai); phối hợp nghiên cứu đầu tư mới tuyến đường sắt khổ 1.435mm (Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng).

c) Đường thủy nội địa

- Đường thủy nội địa quốc gia: Phối hợp với các bộ, ngành trung ương và các địa phương liên quan phát triển tuyến đường thủy nội địa trên sông Hồng đoạn qua tỉnh Yên Bái đạt tiêu chuẩn cấp III. Tuyến chính của đường thủy nội địa trên hồ Thác Bà đoạn từ đập Thác Bà đến Cảm Nhân quy hoạch phân cấp kỹ thuật cấp III.

- Đường thủy nội địa địa phương: Đầu tư đưa vào cấp kỹ thuật đoạn tuyến nhánh đường thủy nội địa trên sông Chảy và vùng hồ Thác Bà. Đầu tư một số bến du lịch mới trên sông Chảy và vùng hồ Thác Bà; xây dựng hệ thống các cảng đầu mối, bến hàng hóa và hành khách trên sông Hồng và hồ Thác Bà; xây dựng các bến khách ngang sông trên địa bàn các huyện Trấn Yên, Văn Yên, Yên Bình, Lục Yên và thành phố Yên Bái.

- Cảng, bến thủy nội địa: Xây dựng cụm cảng Yên Bái, nâng cấp cảng Hương Lý, cảng Mông Sơn, xây dựng mới các cảng hàng hóa trên sông Hồng, gồm: cảng Văn Phú, Âu Lâu - thành phố Yên Bái; cảng Mậu A - huyện Văn Yên; xây dựng các cảng khách vùng hồ thủy điện Thác Bà, bổ sung các bến thủy du lịch tại các khu trung tâm du lịch.

d) Hàng không: Nghiên cứu đầu tư, khai thác lưỡng dụng sân bay quân sự Yên Bái theo mô hình chuyên dùng (kết hợp mục đích quân sự và khai thác dân dụng).

đ) Hạ tầng giao thông khác

- Hạ tầng logistics: Thu hút đầu tư xây dựng trung tâm logistics hạng II khu vực cảng Văn Phú kết nối với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, hệ thống đường sắt, đường thủy nội địa; trung tâm logistics cấp tiểu vùng tại các khu vực gần nút giao IC12, IC13, IC14 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, khu vực gần nút giao Quốc lộ 32 với Quốc lộ 32D thuộc địa bàn huyện Văn Chấn, thị xã Nghĩa Lộ.

- Bến xe khách: Đưa các bến xe khách hiện có nằm trong khu vực nội thị ra ngoài ven đô thị, trên các trục cửa ngõ cao tốc, quốc lộ hoặc các tuyến đường vành đai đô thị. Đến năm 2030, đầu tư nâng cấp bến xe tại các huyện Lục Yên, Mù Cang Chải, Văn Yên, Yên Bình; đầu tư xây dựng mới bến xe tại thành phố Yên Bái, các huyện Trấn Yên, Trạm Tấu, Văn Chấn; đồng thời nghiên cứu xây dựng mới các bến xe tại các đô thị hình thành mới phù hợp với quá trình phát triển đô thị của tỉnh.

- Bãi đỗ xe: Phát triển các bãi đỗ xe tập trung tại trung tâm các huyện, thị xã, thành phố và tại các khu công nghiệp, khu dân cư, khu thương mại, dịch vụ, khu hành chính.

- Trạm dừng nghỉ: Đầu tư xây dựng các trạm dừng nghỉ dọc theo tuyến quốc lộ, tỉnh lộ để cung cấp các dịch vụ phục vụ hành khách và phương tiện tham gia giao thông. Xây dựng trạm dừng nghỉ trên tuyến Quốc lộ 32 thuộc địa phận huyện Văn Chấn, tuyến Quốc lộ 70 thuộc địa phận huyện Yên Bình và một số trạm dừng nghỉ khác tại các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ khác phù hợp với định hướng phát triển.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

a) Đến năm 2030, tiếp tục duy trì hoạt động hiệu quả của các nguồn điện hiện có; phát triển các dự án điện tiềm năng, như: Điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, thủy điện và các nguồn năng lượng tái tạo khác phù hợp với Quy hoạch điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch điện lực quốc; tiềm năng và điều kiện thực tiễn phát triển của tỉnh bảo đảm tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước và quy định khác có liên quan.

b) Cải tạo nâng công suất trạm 220kV Yên Bái. Xây mới các trạm 220kV tại Nghĩa Lộ, Lục Yên và các trạm 110kV. Xây mới đường dây 220kV, 500kV mạch kép; cải tạo nâng cao khả năng truyền tải các đường dây 220kV hiện có.

c) Từng bước hạ ngầm hệ thống điện tại các đô thị, khu vực trung tâm các huyện, thị xã, thành phố (thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ,...).

(Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo)

3. Phương án phát triển hệ thống dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt

a) Hệ thống dự trữ, cung ứng xăng dầu: Phát triển cửa hàng xăng dầu trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ tại các địa bàn chưa có cửa hàng xăng dầu, các tuyến đường mở mới, khu đô thị mới và các khu, cụm công nghiệp; thu hút đầu tư vào các địa bàn chưa có cửa hàng xăng dầu và các địa bàn vùng sâu, vùng xa, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn. Đến năm 2030, mỗi cụm xã có từ 01 cửa hàng xăng dầu loại III trở lên; thu hút đầu tư các kho dự trữ thương mại phục vụ nhu cầu dự trữ cung ứng xăng dầu cho tiêu dùng trên địa bàn tỉnh.

b) Hệ thống dự trữ, cung ứng khí đốt: Duy trì, nâng cấp 03 trạm chiết nạp hiện có; xây dựng mới 01 trạm chiết nạp LPG tại thành phố Yên Bái; phát triển các cửa hàng bán lẻ LPG chai nhằm bảo đảm phục vụ nhu cầu tiêu dùng, sản xuất kinh doanh của nhân dân.

4. Phương án phát triển mạng lưới thông tin và truyền thông

a) Phát triển hạ tầng bưu chính trở thành hạ tầng quan trọng của nền kinh tế số, thương mại điện tử và logistics; ứng dụng công nghệ số, phát triển các sàn thương mại điện tử của doanh nghiệp bưu chính; liên kết, hợp tác với các sàn thương mại điện tử khác. Phát triển mạng lưới bưu chính công cộng cấp tỉnh liên kết với trung tâm bưu chính vùng và trung tâm bưu chính tuyến huyện.

b) Phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số: Duy trì và phát triển các tuyến truyền dẫn liên tỉnh thuộc các tuyến Yên Bái - Phú Thọ, Yên Bái - Lào Cai, Yên Bái - Sơn La, Yên Bái - Lai Châu. Xây dựng tuyến truyền dẫn quang nội tỉnh dung

lượng cao, kết nối liên huyện, liên vùng, vùng động lực, vùng kinh tế trọng điểm, phục vụ nhu cầu phát triển các dịch vụ băng rộng, đô thị thông minh tốc độ và chất lượng cao. Phát triển hạ tầng số toàn diện, bao gồm hạ tầng băng rộng và các nền tảng IoT, AI, BigData, an ninh mạng, định danh số, thanh toán điện tử; mở rộng vùng phủ sóng WLAN tại các khu vực công cộng, điểm du lịch, khu công nghiệp,...

c) Phát triển mạng lưới báo chí, truyền thông đa nền tảng, đa phương tiện, lấy người dân làm trung tâm.

5. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước

a) Đầu tư các công trình thủy lợi cấp nước đa mục tiêu, kết hợp phòng, chống thiên tai, nuôi trồng thủy sản, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp và cải tạo môi trường sinh thái. Đầu tư công trình cấp nước tưới và sinh hoạt vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng hạn hán thiếu nước, vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất hàng hóa tập trung và ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. Sửa chữa, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thủy lợi theo hướng hiện đại, đồng bộ; nâng cấp, cải tạo các đập, hồ chứa thủy lợi; đầu tư phát triển thủy lợi nhỏ, nội đồng.

b) Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện, mở rộng, cải tạo và nâng cấp các nhà máy nước, mạng lưới đường ống cấp nước bảo đảm nhu cầu dùng nước của đô thị, khu, cụm công nghiệp. Đầu tư xây dựng mới nhà máy nước và mạng lưới đường ống bảo đảm cấp nước đối với các đô thị mới. Xây dựng hệ thống cấp nước tập trung với quy mô, công suất phù hợp cho từng khu vực dân cư nông thôn.

c) Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, mở rộng, nâng cao hiệu quả thu gom, xử lý của các hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các đô thị, các khu, cụm công nghiệp; xây dựng hệ thống thoát nước thải đô thị, nông thôn.

(Chi tiết tại Phụ lục VI, VII kèm theo)

6. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

Phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng xử lý chất thải bảo đảm xử lý toàn bộ chất thải rắn phát sinh; hướng đến phát triển xử lý chất thải tập trung theo vùng (tại các khu xử lý chất thải rắn cấp vùng liên huyện, liên xã); chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải bằng phương pháp công nghệ xử lý sinh học có thu hồi sinh khối hoặc đốt, hướng tới đốt phát điện; xử lý triệt để các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh gây ô nhiễm môi trường.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo)

7. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Xây dựng trụ sở các đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ các huyện, thị xã, thành phố tại vị trí khu vực trung tâm các huyện, thị xã, thành phố và các công trình bảo đảm theo tiêu chuẩn, định mức quy định, phù hợp với điều kiện thực tế. Thành lập trụ sở các đội phòng cháy, chữa cháy chuyên ngành tại các khu công nghiệp.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe

a) Phát triển y tế thông minh, y tế số; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; Hình thành hệ thống y tế thông minh, khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu y tế trên nền tảng đô thị thông minh. Hiện đại hóa các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo đảm mọi người dân được quản lý, theo dõi, chăm sóc sức khỏe liên tục, toàn diện; đặc biệt chú trọng phát triển hệ thống y tế tại các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn công bằng, chất lượng, hiệu quả; cải thiện các chỉ số sức khỏe, nâng cao tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của người dân.

b) Phát triển một số cơ sở y tế chuyên sâu, cơ sở y tế cấp vùng, liên tỉnh, như: Trung tâm kiểm soát bệnh tật; Trung tâm kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm. Mở rộng quy mô, phát triển một số trung tâm y tế chuyên sâu trong Bệnh viện đa khoa tỉnh để trở thành bệnh viện tuyến cuối liên tỉnh khu vực Tây Bắc. Đầu tư nâng hạng và mở rộng quy mô Bệnh viện đa khoa khu vực Nghĩa Lộ, các bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh.

c) Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở có chất lượng. Đầu tư phát triển các Trung tâm y tế tuyến huyện để nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh, năng lực y tế dự phòng, kiểm soát bệnh tật. Tập trung nâng cao năng lực những phòng khám đa khoa khu vực tại các địa bàn khó khăn để tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ khám chữa bệnh của người dân. Nhân rộng mô hình trạm y tế hoạt động theo nguyên lý y học gia đình, tiêu chí quốc gia về y tế xã. Tăng cường năng lực và phát huy hiệu quả của hệ thống công tác dân số và công tác bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm.

2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo

Đầu tư, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; rà soát, sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô trường, lớp học một cách hợp lý trên nguyên tắc tạo thuận lợi cho người học, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; xây dựng, bổ sung cơ chế chính sách nhằm huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động giáo dục. Xây dựng hệ thống trường mầm non và

phổ thông trọng điểm về chất lượng. Đầu tư có trọng điểm, ưu tiên các trường phổ thông dân tộc nội trú, dân tộc bán trú, các trường trong lộ trình xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên theo hướng giáo dục mở; phát triển hệ thống hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập để thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao, đáp ứng nhu cầu giáo dục đào tạo. Đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, từng bước xây dựng xã hội học tập. Nhân rộng và triển khai đồng bộ mô hình "trường học hạnh phúc". Xây dựng và triển khai thực hiện dự án giáo dục thông minh xanh. Nghiên cứu thành lập trường đại học đa ngành.

3. Phương án phát triển khoa học - công nghệ

Phát triển cơ sở hạ tầng, mạng lưới tổ chức khoa học - công nghệ phục vụ trực tiếp, hiệu quả cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Tăng cường đầu tư, nâng cấp hạ tầng và trang thiết bị cho đơn vị sự nghiệp khoa học - công nghệ hiện có, định hướng nghiên cứu đa ngành, có quy mô lớn và có năng lực khoa học mạnh. Phấn đấu đến năm 2030, hình thành 15-20 doanh nghiệp khoa học - công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo. Đầu tư, nâng cấp quy mô của Trung tâm Ứng dụng, kỹ thuật, thông tin khoa học và công nghệ tỉnh. Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và đào tạo nguồn nhân lực khoa học - công nghệ. Đầu tư, mở rộng, nâng cấp khu sản xuất, trạm nghiên cứu, thực nghiệm, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ.

4. Phương án phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trợ giúp xã hội

a) Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả; đầu tư cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển, đẩy mạnh phát triển cơ sở giáo dục ngoài công lập để hình thành mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, đa dạng hóa về loại hình, hình thức tổ chức và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động. Đến năm 2030, toàn tỉnh có ít nhất 14 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó 10 cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, 4 cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập.

b) Phát triển hệ thống an sinh xã hội, hoàn thiện mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội thuộc lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội, thực hiện tốt các chính sách trợ giúp xã hội bảo đảm cho mọi đối tượng bảo trợ xã hội đều được hưởng chính sách theo quy định. Đến năm 2030, tiếp tục duy trì hoạt động của Trung tâm Dịch vụ việc làm, Trung tâm Điều dưỡng; có ít nhất 11 cơ sở trợ giúp xã hội chăm sóc người cao tuổi, trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng, người khuyết tật, trong đó có ít

nhất 01 cơ sở trợ giúp công lập, còn lại là các cơ sở trợ giúp ngoài công lập; 01 cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

5. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao

a) Đầu tư cơ sở vật chất, nâng cấp công trình văn hóa, thể thao đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, giải trí cho nhân dân. Xây dựng các trung tâm văn hóa, nhà văn hóa, trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi cấp tỉnh, nâng cấp cơ sở vật chất Bảo tàng tỉnh. Đề cao nguyên tắc bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, cảnh quan thiên nhiên, bản sắc kiến trúc truyền thống của các dân tộc.

b) Đầu tư đồng bộ và hiện đại hệ thống thư viện. Đẩy mạnh xã hội hóa và số hóa trong phát triển thư viện; thu hút các dự án thư viện tư nhân nhằm đa dạng hóa các loại hình thư viện và hấp dẫn người đọc. Xây dựng Thư viện tỉnh Yên Bái thành thư viện trung tâm, thực hiện liên thông thư viện. Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp thư viện cấp huyện đạt chuẩn.

c) Xây dựng và đưa vào khai thác Khu Liên hợp thể thao tỉnh; nâng cấp các nhà thi đấu thể thao đã xuống cấp. Phấn đấu mỗi huyện, thị xã, thành phố có nhà thi đấu, sân vận động và sân tập luyện đủ tiêu chuẩn về quy mô và tính chất.

d) Phát triển các khu vui chơi giải trí gắn với các trung tâm thương mại và du lịch, các công viên chuyên đề; phát triển hệ thống cơ sở lưu trú đa dạng về quy mô và hình thức; ưu tiên các mô hình tổ hợp thương mại mua sắm lớn kết hợp khu du lịch, vui chơi giải trí tại các khu vực cửa ngõ đô thị.

6. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở dịch vụ, thương mại

Phát triển đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại (bao gồm cả hệ thống chợ truyền thống và hệ thống hạ tầng thương mại hiện đại như trung tâm thương mại, siêu thị gắn với hệ thống siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi, điểm bán hàng OCOP…). Phát triển mạng lưới cơ sở thương mại theo không gian giai đoạn 2021 - 2030 sẽ được phân bố căn cứ vào thực trạng và triển vọng phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng, địa phương. Đến năm 2030, tiếp tục đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, cụm thương mại, dịch vụ; xóa bỏ các chợ không phù hợp.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

1. Phương án phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030: Tổng diện tích đất tự nhiên là 689.267 ha, trong đó: Đất nông nghiệp 606.283 ha; đất phi nông nghiệp 75.149 ha; đất chưa sử dụng 7.835 ha.

2. Khai thác sử dụng đất hợp lý, có hiệu quả, chú trọng nâng cao hệ số sử dụng đất. Bố trí sử dụng đất trên cơ sở chuyển đổi mục đích sử dụng và điều chỉnh bất

hợp lý trong hiện trạng sử dụng đất phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tiềm năng đất đai và những lợi thế của tỉnh, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực, các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 và tạo nền tảng phát triển ổn định cho thời kỳ kế tiếp; bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ giữa các ngành, các địa phương trong tỉnh, phù hợp với khả năng cân đối về nguồn lực, tính khả thi trong thực hiện.

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo)

VIII. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

a) Vùng liên huyện phía Tây, gồm 4 đơn vị hành chính là thị xã Nghĩa Lộ và các huyện Văn Chấn, Trạm Tấu, Mù Cang Chải

- Tính chất: Trung tâm hành chính, văn hóa, giáo dục, y tế, công nghiệp đa ngành, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ và du lịch.

- Định hướng phát triển không gian: Phát triển theo mô hình "đô thị vệ tinh" kết hợp mô hình "trung tâm tiểu vùng", theo đó hình thành các cụm đô thị vệ tinh bao quanh đô thị trung tâm là thị xã Nghĩa Lộ. Các điểm đô thị đóng vai trò là trung tâm tiểu vùng, nơi có hệ thống hạ tầng xã hội và hoạt động kinh tế phát triển, hỗ trợ cho các xã xung quanh phát triển.

+ Phát triển trục đô thị trung tâm gắn liền với Quốc lộ 32, kết nối các thị trấn, thị xã trong vùng thành chuỗi đô thị, đây là trục động lực chính của vùng.

+ Phát triển các trung tâm đô thị, kinh tế, thương mại gắn liền với vị trí giao cắt giữa các trục phát triển kinh tế chính của vùng như: vị trí giao giữa Quốc lộ 32 và đường kết nối Mường La (Sơn La), Than Uyên, Tân Uyên (Lai Châu), Mù Cang Chải, Văn Chấn, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15); QL.32 với QL.32D; QL.32 với tuyến đường nối QL.32 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15); tuyến đường nối QL.32 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14); các vị trí giao QL.37 với ĐT.172...

- Định hướng phát triển các khu chức năng: Phát triển công nghiệp xanh, hiện đại, ứng dụng công nghệ cao; từng bước hình thành các cụm ngành công nghiệp; phát triển thương mại theo hướng văn minh, hiện đại, tiện ích, chất lượng cao; phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp theo hướng hiện đại, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến làm cơ sở để phát triển hệ thống trung tâm tiểu vùng hiện đại; phát triển các sản phẩm du lịch đặc sắc, gắn kết liên vùng phát triển các dịch vụ du lịch bổ trợ cho các vùng du lịch lớn của tỉnh.

b) Vùng liên huyện phía Đông, gồm 2 đơn vị hành chính là các huyện Yên Bình, Lục Yên

- Tính chất: Trung tâm đô thị công nghiệp khai khoáng, vật liệu xây dựng cao cấp, dịch vụ du lịch sinh thái.

- Định hướng phát triển không gian: Phát triển theo mô hình "vùng đa cực" kết hợp "trung tâm tiểu vùng", theo đó hình thành chuỗi các cực phát triển quanh vùng hồ Thác Bà, tại các vị trí nút giao thông, trọng điểm giao thương hiện tại và trong tương lai nằm trên trục đường Quốc lộ 70 và ĐT.170. Các cực phát triển chính là thị trấn Yên Bình và thị trấn Yên Thế, cụ thể:

+ Phát triển trục Quốc lộ 70 kết nối thị trấn Yên Bình, đô thị Cảm Ân, đô thị Khánh Hòa và các khu vực xung quanh, đặc biệt là thành phố Yên Bái, là trục phát triển động lực phía Tây của Vùng.

+ Phát triển trục đường tỉnh 170 kết nối thị trấn Yên Thế, đô thị Cảm Nhân, đô thị Thác Bà và các khu vực xung quanh, là trục phát triển động lực phía Đông của vùng.

+ Phát triển các trung tâm đô thị, kinh tế, thương mại gắn liền với vị trí giao cắt giữa các trục phát triển kinh tế chính của vùng như: nút giao QL.70 với tuyến nối đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai với Hà Giang (CT.12); nút giao QL.70 với QL.37 và QL.2D.

- Định hướng phát triển các khu chức năng: Phát triển du lịch là ngành mũi nhọn của vùng dựa trên các sản phẩm du lịch sinh thái gắn với khu vực hồ Thác Bà; trở thành trung tâm công nghiệp khai khoáng, vật liệu xây dựng, đô thị du lịch sinh thái của tỉnh và vùng Tây Bắc; ứng dụng công nghệ trong công nghiệp khai khoáng và chế biến vật liệu xây dựng; phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao làm cơ sở để phát triển hệ thống trung tâm tiểu vùng.

c) Vùng thành phố Yên Bái, gồm 3 đơn vị hành chính là thành phố Yên Bái và các huyện Văn Yên, Trấn Yên

- Tính chất: Trung tâm hành chính, văn hóa, dịch vụ du lịch sinh thái, thương mại, công nghiệp.

- Định hướng phát triển không gian: Phát triển theo mô hình "chuỗi đô thị" kết hợp mô hình "trung tâm tiểu vùng", theo đó hình thành chuỗi trung tâm phát triển dựa trên các cụm đô thị định hướng hình thành dọc theo trục ĐT.163 và đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai. Trung tâm phát triển là thành phố Yên Bái, đây là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh. Các điểm đô thị đóng vai trò là trung tâm tiểu vùng, nơi có hệ thống hạ tầng xã hội và hoạt động kinh tế phát triển, hỗ

trợ cho các xã xung quanh phát triển. Các đô thị được hình thành gắn liền với các nút giao thông quan trọng, đặc biệt là tại các lối ra của đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, tại đây sẽ phát triển các khu, cụm công nghiệp, trung tâm logistic gắn liền với hoạt động thương mại, cụ thể:

+ Phát triển dọc ĐT.163 kết nối thành phố Yên Bái, thị trấn Cổ Phúc, Mậu A, đô thị Xuân Ái, An Bình, đặc biệt là dọc tuyến đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, đây là trục động lực chính của vùng.

+ Phát triển dọc Quốc lộ 37 kết nối thành phố Yên Bái, đô thị Hưng Khánh, thị xã Nghĩa Lộ, trục đường Yên Bái - Khe Sang và trục ĐT.166, là các trục phát triển phụ trợ của vùng.

+ Phát triển các trung tâm đô thị, kinh tế, thương mại gắn liền với vị trí giao cắt giữa các trục phát triển kinh tế chính của vùng, đặc biệt là tại vị trí nút giao với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

- Định hướng phát triển các khu chức năng: Phát triển du lịch trở thành ngành mũi nhọn của vùng dựa trên các sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và trải nghiệm, khai thác dịch vụ hệ sinh thái rừng và các giá trị văn hóa đặc sắc, trở thành điểm đến hàng đầu vùng trung du và miền núi Bắc Bộ; phát triển dịch vụ, thương mại theo hướng văn minh, hiện đại; phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp theo hướng hiện đại, áp dụng khoa học công nghệ, hình thành các vùng chuyên canh đặc sản nông nghiệp; phát triển công nghiệp chế biến và khai khoáng theo hướng hiện đại, hạn chế tác động đến môi trường, cảnh quan thiên nhiên.

2. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện

a) Vùng huyện Văn Yên

- Tính chất: Đóng vai trò là đô thị công nghiệp - thương mại dịch vụ trên trục cao tốc Nội Bài - Lào Cai; một trong những trung tâm kinh tế, du lịch văn hóa lịch sử; trạm dừng chân của tuyến du lịch văn hóa, tín ngưỡng dọc sông Hồng.

- Định hướng phát triển: Phát triển đô thị, hệ thống nghỉ dưỡng, ẩm thực, du lịch; phát triển ngành lâm nghiệp theo hướng tăng trưởng cao và ổn định; phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao.

b) Vùng huyện Trấn Yên

- Tính chất: Đóng vai trò là đô thị công nghiệp - thương mại, dịch vụ trên trục cao tốc Nội Bài - Lào Cai; một trong những trung tâm kinh tế, du lịch văn hóa lịch sử; trung tâm phát triển sản xuất công nghiệp.

- Định hướng phát triển: Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng nhanh, bền vững trở thành trung tâm công nghiệp của tỉnh; phát triển đô thị

với vai trò hỗ trợ các địa phương trên tuyến du lịch văn hóa, tín ngưỡng dọc sông Hồng; phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao, gắn với nhu cầu của thị trường.

c) Vùng huyện Văn Chấn

- Tính chất: Là đô thị phát triển kinh tế - xã hội vùng phía Tây, cầu nối trong chuỗi đô thị trên trục kinh tế kết nối Đông Tây; một trong những trung tâm sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại; là vùng du lịch văn hóa, lịch sử, du lịch nhân văn, vùng sinh thái thiên nhiên, vùng bảo tồn văn hóa bền vững của đồng bào dân tộc.

- Định hướng phát triển: Tập trung phát triển, tổ chức lại mô hình sản xuất theo hướng chế biến sâu, gắn với vùng nguyên liệu; phát triển tiểu thủ công nghiệp chế biến; phát triển ngành chế biến nông, lâm sản, thủy sản; phát triển các làng nghề. Đưa vào thăm dò và có phương án khai thác một số loại khoáng sản, phát triển công nghiệp điện năng. Duy trì và phát triển vùng đặc sản lúa, chè, cây ăn quả. Phát triển ngành dịch vụ trở thành ngành kinh tế quan trọng. Xây dựng, định vị rõ thương hiệu du lịch Văn Chấn và hướng tới hoàn thiện hệ sinh thái du lịch xanh theo chuỗi giá trị.

d) Vùng huyện Yên Bình

- Tính chất: Vùng kinh tế tổng hợp, đô thị trung tâm cấp tiểu vùng của vùng kinh tế phía Đông, phát triển thương mại dịch vụ và nông, lâm nghiệp thủy sản gắn với khu du lịch quốc gia hồ Thác Bà. Đô thị du lịch sinh thái của tỉnh và vùng Tây Bắc, định hướng phát triển xanh, bền vững, bản sắc, có sức hấp dẫn và cạnh tranh cao.

- Định hướng phát triển: Tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp; hình thành, phát triển các trọng điểm thương mại dịch vụ mới, hiện đại. Tận dụng lợi thế kết nối, tài nguyên phong phú và khu du lịch quốc gia hồ Thác Bà, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch và liên kết với các tour du lịch trong vùng và cả nước. Tập trung phát triển các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản đặc trưng địa phương; mở rộng quy mô sản xuất hàng hóa tập trung.

đ) Vùng huyện Lục Yên

- Tính chất: Là vùng kinh tế tổng hợp của vùng kinh tế phía Đông, phát triển thương mại dịch vụ, công nghiệp chế biến, khai khoáng và nông lâm nghiệp; là đô thị du lịch sinh thái, cộng đồng, có sức hấp dẫn và cạnh tranh cao, thích ứng với xu thế hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu.

- Định hướng phát triển: Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng nhanh, bền vững trở thành trung tâm công nghiệp của tỉnh. Hình thành, phát triển các trọng điểm thương mại dịch vụ mới, hiện đại. Xây dựng sản phẩm du lịch độc đáo, đặc trưng, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Phát triển nông nghiệp hữu cơ, sinh thái; phát triển lâm nghiệp theo chuỗi giá trị, phấn đấu đưa huyện trở thành trung tâm sản xuất, chế biến và xuất khẩu gỗ của vùng.

e) Vùng huyện Trạm Tấu

- Tính chất: Là huyện có nền kinh tế nông nghiệp - du lịch điển hình hiệu quả trong tỉnh; tập trung phát triển nông nghiệp chất lượng cao, nông nghiệp đặc sản, công nghiệp chế biến nông sản và du lịch sinh thái, mạo hiểm; là đầu mối giao thông kết nối Yên Bái và Bắc Yên (Sơn La).

- Định hướng phát triển: Đến năm 2030, huyện Trạm Tấu thoát nghèo; xây dựng các thương hiệu sản phẩm của tỉnh về nông nghiệp và du lịch, giữ vững vai trò là vùng bảo tồn, bảo vệ rừng đầu nguồn.

g) Vùng huyện Mù Cang Chải

- Tính chất: Là "một điểm đến đổi mới, khác biệt và bền vững; bản sắc, an toàn, thân thiện", là huyện kinh tế - dịch vụ, du lịch trọng điểm, gắn với các sản phẩm du lịch chất lượng cao, đặc trưng, bản sắc, hấp dẫn gắn với bảo vệ môi trường tự nhiên.

- Định hướng phát triển: Phát triển một cách chủ động và bền vững, kết hợp tiềm năng, lợi thế, đưa du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo cơ hội để khẳng định thương hiệu du lịch khác biệt; khai thác năng lượng mới.

h) Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã

Tỉnh Yên Bái có 173 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 150 xã, 13 phường, 10 thị trấn. Phương án sắp xếp thời kỳ 2023 - 2030:

- Giai đoạn 2023 - 2025: Có 12 đơn vị hành chính cấp xã (01 phường, 01 thị trấn và 10 xã thuộc diện phải sắp xếp), gồm: Thị trấn Trạm Tấu, huyện Trạm Tấu; xã Nghĩa Sơn, huyện Văn Chấn; xã Đào Thịnh, xã Việt Thành, xã Nga Quán, xã Cường Thịnh, xã Bảo Hưng, huyện Trấn Yên; xã Yên Bình, huyện Yên Bình; xã Nghĩa Phúc, xã Thanh Lương, thị xã Nghĩa Lộ và xã Tuy Lộc, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái. Trong đó: Thị trấn Trạm Tấu, huyện Trạm Tấu có vị trí trọng yếu về quốc phòng, an ninh; xã Nghĩa Sơn, huyện Văn Chấn có vị trí biệt lập, có đặc điểm về văn hóa, dân tộc và phong tục tập quán riêng biệt và xã Thanh Lương, thị xã Nghĩa Lộ được quy hoạch phát triển thành đơn vị hành chính đô thị (quy hoạch lên phường) giai đoạn 2023 - 2030.

Dự kiến sắp xếp 09 xã, phường, gồm: Xã Đào Thịnh, xã Việt Thành, xã Nga Quán, xã Cường Thịnh, xã Bảo Hưng, huyện Trấn Yên; xã Yên Bình, huyện Yên Bình; xã Nghĩa Phúc, thị xã Nghĩa Lộ và xã Tuy Lộc, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã còn lại có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

IX. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Phương án bảo vệ môi trường

- Định hướng bảo vệ môi trường cho các phân vùng thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt, bao gồm:

+ Khu vực nội thành của thành phố Yên Bái (đô thị loại III, quy hoạch trong kỳ là đô thị loại II) và khu vực nội thị của thị xã Nghĩa Lộ (xác lập vùng bảo vệ nghiêm ngặt tại thời điểm được công nhận đô thị loại III trong kỳ quy hoạch).

+ Nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; khu rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản, gồm: Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Mù Cang Chải trên địa bàn các xã Chế Tạo, Lao Chải, Dế Xu Phình, Púng Luông, Nậm Khắt thuộc huyện Mù Cang Chải; khu bảo tồn thiên nhiên Nà Hẩu trên địa bàn các xã Nà Hẩu, Đại Sơn, Mỏ Vàng, Phong Dụ Thượng thuộc huyện Văn Yên.

+ Khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; vùng lõi của di sản thiên nhiên theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, gồm: Các di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng và phân cấp quản lý từ cấp tỉnh đến cấp xã; quy mô, ranh giới khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; vùng lõi của di sản thiên nhiên theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được xác định trong từng thời kỳ phù hợp với sự hình thành, phát triển và nâng cấp, tôn tạo di tích theo quy hoạch.

- Vùng hạn chế phát thải, bao gồm: Toàn bộ các xã thuộc thành phố Yên Bái và các xã thuộc thị xã Nghĩa Lộ (tính từ thời điểm thị xã Nghĩa Lộ được công nhận đô thị loại III); vùng đệm của khu rừng đặc dụng, khu bảo tồn; vùng đệm của khu bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa, vùng đệm của di sản thiên nhiên; toàn bộ diện tích rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã được xác định trong nội dung quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; các khu dân cư tập trung nằm trong ranh giới quy hoạch là khu vực nội thành, nội thị đô thị loại IV, loại V; khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

- Vùng bảo vệ môi trường khác, bao gồm: Toàn bộ diện tích còn lại không nằm trong khu vực vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải.

b) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Quản lý bền vững tài nguyên rừng và đa dạng sinh học, nâng cao chất lượng rừng và giữ ổn định độ che phủ. Quản lý phát triển khu bảo tồn thiên nhiên Nà Hẩu (huyện Văn Yên) và khu bảo tồn loài và sinh cảnh Mù Cang Chải; cải thiện sinh kế và nâng cao đời sống người dân sống trong vùng đệm; củng cố, kiện toàn Ban Quản lý Khu bảo tồn để quản lý và phát triển rừng bền vững; bảo tồn các khu đất ngập nước, khu vực cảnh quan sinh thái và cảnh quan thiên nhiên khu di tích lịch sử danh thắng quốc gia hồ Thác Bà và các khu vực đa dạng sinh học cao khác, như: Khu rừng Tân Phượng (huyện Lục Yên), khu đa dạng sinh học Trạm Tấu, khu đa dạng sinh học Khau Phạ (huyện Mù Cang Chải).

(Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo)

c) Mạng lưới quan trắc môi trường

- Tiếp tục thực hiện chương trình quan trắc môi trường đất tại 15 vị trí hiện trạng và mở rộng 26 vị trí dựa trên việc phát triển các khu, cụm công nghiệp, các đô thị, khu dân cư tập trung, khu trồng cây nông nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện chương trình quan trắc môi trường nước mặt tại 30 vị trí hiện trạng và mở rộng 15 vị trí dựa trên việc phát triển các khu, cụm công nghiệp, các địa điểm phát triển du lịch, dịch vụ (trong đó có 04 trạm quan trắc môi trường nước mặt tự động tại một số sông, suối chính).

- Tiếp tục thực hiện chương trình quan trắc môi trường nước dưới đất tại 30 vị trí hiện trạng và mở rộng 20 vị trí dựa trên việc phát triển các khu, cụm công nghiệp, các địa điểm phát triển bãi rác, khu nghĩa trang các huyện.

- Tiếp tục thực hiện chương trình quan trắc môi trường không khí tại 32 vị trí hiện trạng và mở rộng 30 vị trí dựa trên việc phát triển các khu, cụm công nghiệp, các đô thị, khu dân cư (trong đó có 07 trạm quan trắc môi trường không khí tự động đặt tại các khu vực đông dân cư, khu vực dễ bị ảnh hưởng của hoạt động sản xuất công nghiệp, khai thác khoáng sản, giao thông vận tải).

d) Phân bố các khu nghĩa trang

Định hướng quy hoạch xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng tập trung đô thị theo quy hoạch đô thị, nghĩa trang tập trung xã theo định hướng quy hoạch xây dựng nông thôn. Xây dựng hệ thống nghĩa trang tập trung tại thành phố Yên Bái, gồm: Nghĩa trang An Bình Viên (cấp I), Nghĩa trang Đá Bia (cấp II) phục vụ cho thành phố Yên Bái, thị trấn Yên Bình và một số xã của huyện Yên Bình. Quy hoạch cơ sở hỏa táng tại Nghĩa trang An Bình Viên. Xây dựng nghĩa trang mới thị xã Nghĩa Lộ (cấp II) và nghĩa trang cấp III tại các huyện Yên Bình, Trấn Yên, Văn Yên, Lục Yên, Văn Chấn, Trạm Tấu, Mù Cang Chải.

(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo)

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên

a) Phát triển tài nguyên rừng

- Bảo vệ và phát triển bền vững, hiệu quả diện tích rừng hiện có, đặc biệt là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Tập trung thực hiện khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên trên 10.000 ha để phát huy tối đa khả năng tái sinh, diễn thế tự nhiên phục hồi rừng bằng các biện pháp bảo vệ, chống chặt phá, phòng cháy và chữa cháy rừng.

- Quản lý chặt chẽ việc thực hiện các tiêu chuẩn kỹ thuật trong sản xuất cây giống lâm nghiệp; tập trung sản xuất giống các loài cây trồng theo định hướng phát triển. Chọn các giống năng suất cao, thích nghi và kháng bệnh tốt để phục vụ trồng rừng.

- Phát triển lâm sản ngoài gỗ, ưu tiên các loài cây trồng có thế mạnh. Đến năm 2030, toàn tỉnh dự kiến trồng mới 150.000 ha trên đất rừng trồng sau khai thác và đất chưa có rừng, bình quân trồng mới 15.000 ha/năm.

- Đầu tư hệ thống giao thông phục vụ sản xuất, khai thác, chế biến sản phẩm lâm nghiệp, phát triển rừng và công tác tuần tra, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng. Đầu tư mở mới một số tuyến đường vào các vùng trồng rừng tập trung, đồng thời nâng cấp, bảo dưỡng các tuyến đường hiện có.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động bảo tồn và phát triển rừng bao gồm: Nhà làm việc cho cán bộ quản lý bảo tồn và phát triển rừng, các trạm bảo vệ rừng kết hợp với điểm dừng chân của khách du lịch sinh thái trên các tuyến đường đi bộ.

- Xây dựng các công trình phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng, như: Chòi canh cháy rừng, phòng trừ sâu hại rừng, đường lâm nghiệp, đường ranh cản lửa,... Cơ cấu lại các trạm kiểm lâm, trạm kiểm soát lâm sản và trạm bảo vệ rừng. Tiếp tục nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy cho lực lượng kiểm lâm.

b) Phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản

- Thăm dò đánh giá chất lượng, trữ lượng bảo đảm đủ trữ lượng khoáng sản huy động vào khai thác và các yêu cầu kỹ thuật khác. Thực hiện thăm dò đối với 13 loại, nhóm khoáng sản tại 99 khu vực, mỏ khoáng sản, với diện tích là 1.346,24 ha.

- Khai thác với sản lượng hợp lý, sử dụng công nghệ hiện đại, bảo vệ môi trường và tài nguyên khoáng sản bảo đảm phù hợp với từng loại khoáng sản và từng dự án cụ thể. Thực hiện khai thác đối với 13 loại, nhóm khoáng sản tại 190 khu vực, mỏ khoáng sản, với diện tích là 1.454,94ha.

- Về các khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản: Thực hiện trên cơ sở các quy định của pháp luật về khoáng sản và quy hoạch, phương án phân vùng đất đai theo khu chức năng được xác lập trong Quy hoạch tỉnh; các khu vực cấm hoạt động khoáng sản trong thời kỳ quy hoạch, gồm: 736 khu vực cấm hoạt động khoáng sản với diện tích 244.312,95 ha. Đồng thời, các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản sẽ tiếp tục được kế thừa, bổ sung, điều chỉnh khi hoàn thành việc đánh giá, khoanh định bổ sung, điều chỉnh và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Khoáng sản.

- Trong một số trường hợp đặc biệt cần khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ các công trình phòng, chống thiên tai, bão lũ, đảm bảo an toàn đê điều, hồ chứa, quốc phòng - an ninh, công trình sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước, hoặc các dự án phục vụ mục đích quốc gia, công cộng, phát triển kinh tế - xã hội, căn cứ điều kiện thực tế tại địa phương hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp huyện để cấp giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại các khu vực chưa được quy hoạch trong phương án này bảo đảm ứng phó kịp thời và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư; việc cấp giấy phép tuân thủ thủ tục theo quy định của Luật Khoáng sản. Ưu tiên khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực mỏ để cung cấp nguyên vật liệu phục vụ xây dựng các công trình sử dụng ngân sách nhà nước.

- Đối với các khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Căn cứ các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức triển khai, thực hiện.

- Đối với một số khu vực mỏ, khoáng sản dự kiến thăm dò, khai thác sau năm 2030, trường hợp đủ điều kiện và huy động được nguồn lực đầu tư thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận cho phép triển khai sớm hơn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

(Chi tiết tại Phụ lục XII kèm theo)

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước: Khai thác, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả tài nguyên nước. Bảo đảm việc khai thác nước không vượt quá ngưỡng giới hạn khai thác đối với các sông, không vượt quá trữ lượng có thể khai thác đối với nước dưới đất; phân bổ, chia sẻ tài nguyên nước hài hòa, hợp lý giữa các ngành, địa phương, ưu tiên sử dụng nước cho sinh hoạt, sử dụng nước mang lại giá trị kinh tế cao, bảo đảm dòng chảy tối thiểu; đạt hiệu quả tổng hợp về kinh tế, xã hội, môi trường.

b) Phân vùng chức năng nguồn nước: Cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, kinh doanh, dịch vụ, du lịch.

c) Bảo vệ nguồn nước: Bảo vệ tài nguyên nước phải lấy phòng ngừa là chính; bảo vệ được nguồn sinh thủy, chất lượng nước, hệ sinh thái thủy sinh, góp phần bảo tồn giá trị văn hóa, cảnh quan thiên nhiên; bảo vệ tài nguyên nước phải gắn kết với phân bổ nguồn nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; bảo vệ chất lượng nước phải gắn với các mục đích sử dụng nước, ưu tiên cho nguồn nước có tầm quan trọng để ổn định an sinh xã hội.

d) Phương án phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra: Xây dựng hệ thống quản lý rủi ro thiên tai để giảm thiểu thiệt hại, tổn thất và tăng khả năng chống chịu, gồm: Xây dựng, cập nhật thường xuyên hệ thống bản đồ giám sát và cảnh báo thiên tai; xây dựng hệ thống cảnh báo sớm các tác hại do nước gây ra như lũ lụt, hạn hán, ô nhiễm nguồn nước đặc biệt tại các đô thị và vùng sản xuất nông nghiệp; ưu tiên nguồn lực nhằm nâng cao năng lực ứng phó với thiên tai cho các vùng có mức độ rủi ro cao.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng cháy chữa

cháy rừng; tăng cường đổi mới, sử dụng công nghệ tiên tiến, tiết kiệm tài nguyên, chi phí đầu vào sản xuất và phòng chống rác thải nhựa để bảo vệ môi trường.

b) Tăng cường thông tin, dự báo, cảnh báo sớm thiên tai và các điều kiện khí hậu, thời tiết cực đoan ở các vùng có nguy cơ cao nhằm chủ động phòng chống, ứng phó với các tình huống thiên tai và giảm nhẹ thiệt hại.

c) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở các cấp và chống biến đổi khí hậu; lồng ghép, tích hợp nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu trong các chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

d) Tổ chức quản lý tốt nguồn nước bảo đảm khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước, nhất là hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp; tăng cường công tác quản lý hồ chứa, chủ động xây dựng phương án phòng chống thiên tai, áp dụng các công nghệ tưới cải tiến.

đ) Chủ động ứng phó có hiệu quả với các tác động bất lợi của hạn hán, thiếu nước, lũ, ngập lụt, úng, xói lở bờ sông, suối,... kết hợp hài hòa giữa giải pháp công trình và giải pháp phi công trình.

e) Bảo đảm an toàn trước các tác động bất lợi do thiên tai liên quan đến nước gây ra cho các đô thị, các khu dân cư, hoạt động sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu.

g) Bảo đảm an toàn công trình, vùng hạ du đập, hồ chứa thủy lợi, thủy điện. Cải tạo, nâng cấp các tuyến đê; xây dựng hệ thống kè bờ sông, suối bảo vệ đất nông nghiệp, khu hành chính, khu dân cư, tạo cảnh quan môi trường; xử lý kịp thời các hiện tượng sạt lở bờ sông, suối,...

X. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án có quy mô lớn, có tính chất quan trọng, có sức lan tỏa, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo)

XI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

a) Tái cơ cấu chi ngân sách theo hướng tiết kiệm chi thường xuyên để tăng chi đầu tư phát triển, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Vận động thu hút nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị, nông nghiệp, nông thôn thích ứng với thiên tai, giáo dục, y tế, nhất là y tế cơ sở.

b) Xây dựng chính sách phát triển các ngành kinh tế, trong đó ưu tiên đầu tư phát triển đi kèm với các chính sách ưu đãi để tạo cơ hội, động lực cho khu vực kinh tế tư nhân tham gia đầu tư, tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ kinh tế tư nhân, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

c) Nâng cao chất lượng các hoạt động xúc tiến đầu tư; rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách, cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch và hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư trực tiếp nước ngoài, kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ, giải quyết các kiến nghị của nhà đầu tư theo quy định. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào các lĩnh vực công nghiệp chế biến nông, lâm sản, phát triển du lịch, lắp ráp ô tô; đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào các khu du lịch, khu, cụm công nghiệp. Thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng tạo điều kiện cho nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ đề ra.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

a) Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, thu hút nhân tài, các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân đến làm việc và sinh sống tại tỉnh Yên Bái.

b) Tăng cường chủ động liên kết, hợp tác chia sẻ trao đổi nguồn nhân lực với các địa phương trong vùng, khu vực và cả nước như: Hà Nội, Thái Nguyên, Sơn La,... trong việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng bằng các hình thức hợp tác, liên kết, liên thông,...

3. Giải pháp về bảo vệ môi trường

a) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường; công tác thanh tra, kiểm tra để phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề môi trường.

b) Khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên, khoáng sản; bảo vệ môi trường rừng và phát triển mở rộng tài nguyên rừng; chống thoái hóa đất, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất; bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên nước; giảm ô nhiễm không khí và tiếng ồn ở các đô thị và khu, cụm công nghiệp; bảo đảm có cơ chế quản lý hiệu quả các loại chất thải, đặc biệt là chất thải rắn và nước thải.

c) Xây dựng mục tiêu cụ thể về bảo vệ môi trường ở các lĩnh vực tập trung như nông nghiệp, năng lượng, chế biến công nghiệp, xử lý rác thải, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, lâm nghiệp và thực hiện các giải pháp giảm thiểu nguy cơ đe dọa đa dạng sinh học.

4. Giải pháp về phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Ưu tiên phát triển công nghiệp vừa và nhỏ, làng nghề, công nghiệp phục vụ dịch vụ và nông nghiệp với định hướng khoa học - công nghệ trình độ cao, thân thiện với môi trường và tiết kiệm tài nguyên.

b) Ưu tiên đầu tư các dự án tăng cường tiềm lực khoa học - công nghệ; dự án phát triển nguồn nhân lực khoa học - công nghệ; dự án đầu tư tăng cường cơ sở vật chất khoa học - công nghệ.

c) Khuyến khích ứng dụng công nghệ tiên tiến, thúc đẩy khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo với trọng tâm là các doanh nghiệp, tận dụng tốt nhất cơ hội đến từ cuộc cách mạng công nghệ 4.0 và tiến trình hội nhập quốc tế.

d) Xem xét, điều chỉnh nguồn vốn đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương hằng năm cho khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, bảo đảm mức chi theo quy định và phù hợp với điều kiện thực tiễn. Ban hành cơ chế chính khuyến khích (ưu đãi thuế, tín dụng, hỗ trợ vốn từ ngân sách địa phương,...) cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học - công nghệ vào sản xuất, cải tiến, đổi mới kỹ thuật, công nghệ, việc tiếp nhận chuyển giao và làm chủ công nghệ, kỹ thuật sản xuất từ các quốc gia phát triển.

5. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

a) Liên kết hợp tác quốc tế

- Thiết lập mối quan hệ hữu nghị, hợp tác với các tỉnh, thành phố của các nước có nhiều điểm tương đồng, có tiềm năng, lợi thế trong hợp tác phát triển kinh tế, chuyển giao công nghệ, giao lưu văn hóa,... Quảng bá và giới thiệu sản phẩm đặc sản, chủ lực của tỉnh, đặc biệt là các sản phẩm nông nghiệp (trái cây, rau quả,...) nhằm thu hút người tiêu dùng quốc tế.

- Thu hút chuyên gia nước ngoài đến làm việc tại tỉnh Yên Bái, đặc biệt trong các lĩnh vực du lịch, y tế nhằm thúc đẩy quá trình quốc tế hóa các tiêu chuẩn của ngành; khuyến khích chuyển giao đào tạo và giao lưu tri thức giữa các quốc gia nhằm nâng cao trình độ kỹ năng của lực lượng lao động địa phương.

- Tổ chức hội thảo triển lãm thương mại và đầu tư tại các nước trong khu vực nhằm giới thiệu, quảng bá thương hiệu sản phẩm đặc sản, chủ lực của tỉnh Yên Bái, góp phần đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư.

- Thiết lập quan hệ và thực hiện các cuộc đối thoại song phương với các cơ quan xúc tiến thương mại nước ngoài nhằm tạo nền tảng thu hút đầu tư, thúc đẩy hợp tác kinh doanh, như: Hiệp hội Thương mại Hoa Kỳ (AmCham), Tổ chức Xúc tiến Mậu dịch Nhật Bản (JETRO), Hiệp hội Thương mại Úc (AusCham), Hiệp hội

Doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam (EuroCham), Hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam (KORCHAM)...

b) Liên kết hợp tác trong nước

- Liên kết với các tỉnh trong vùng trung du và miền núi Bắc Bộ nhằm triển khai thực hiện kết nối cơ sở hạ tầng giao thông cấp vùng đối với các đô thị, trung tâm du lịch và khu công nghiệp của tỉnh.

- Tăng cường trao đổi thông tin giữa các địa phương về quy hoạch, chiến lược phát triển, kết quả thực hiện, giải pháp cho các vấn đề thông qua các Hội nghị liên kết, tổng kết phát triển vùng hoặc liên tỉnh theo định kỳ.

- Tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư trong vùng trung du và miền núi Bắc Bộ và các tiểu vùng trong vùng.

- Phối hợp với các tỉnh trong việc thống nhất các chủ trương, chính sách thu hút đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh trong vùng trên các lĩnh vực: Hợp tác xây dựng các sản phẩm dịch vụ du lịch, kết hợp các lợi thế du lịch của tỉnh Yên Bái với du lịch của các tỉnh Hà Giang, Lào Cai,...; hợp tác trong phát triển giáo dục và y tế giữa tỉnh Yên Bái và các tỉnh Thái Nguyên, Phú Thọ,...

- Tổ chức các hội thảo, hội nghị chuyên đề về phát triển chuỗi giá trị sản phẩm, cụm ngành thông qua việc phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước, các hiệp hội ngành, nghề, viện nghiên cứu, doanh nghiệp trong nước, các đối tác nước ngoài.

6. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

a) Nâng cao chất lượng xây dựng kết cấu hạ tầng, tổ chức quản lý có hiệu quả công tác quy hoạch và phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, xã hội hóa đầu tư.

b) Xây dựng và hoàn thiện quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, các quy hoạch chi tiết, quy chế quản lý kiến trúc và thiết kế đô thị ở các khu vực trung tâm, các trục giao thông mới; đồng thời, gắn kết hài hòa việc chỉnh trang đô thị ở các khu vực ngoại vi với quy hoạch các đô thị vùng trung tâm và quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

c) Hạn chế quá trình phát triển đô thị theo "vết dầu loang" không bền vững, gây lãng phí quỹ đất. Quản lý và kiểm soát tốt ao, hồ, đập phục vụ công tác điều tiết nước và bảo đảm môi trường sinh thái.

d) Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác phát triển đô thị, đồng thời có cơ chế hợp tác chặt chẽ hoặc thuê tư vấn, chuyên gia có năng lực trong thiết kế đô thị thông minh.

đ) Sắp xếp hợp lý đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

7. Giải pháp về nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý hành chính nhà nước

a) Đổi mới bộ máy quản lý

- Thực hiện cải cách mạnh mẽ hệ thống chính trị, thúc đẩy tinh thần sáng tạo, ý thức trách nhiệm của mỗi cán bộ và tinh thần làm chủ của nhân dân. Nâng cao hiệu lực lãnh đạo của Đảng, chất lượng quản lý của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Tuân thủ các nguyên tắc thị trường trong hoạch định chính sách và chỉ đạo, điều hành quá trình phát triển.

- Sự chỉ đạo và điều hành của các cơ quan chính quyền chuyển từ vai trò can thiệp trực tiếp sang hỗ trợ, trong đó chú trọng bảo đảm các cân đối kinh tế vĩ mô, thiết lập khuôn khổ pháp luật, chính sách và bộ máy thực thi nhằm bảo đảm các loại thị trường liên tục được hoàn thiện, hoạt động minh bạch, hiệu quả và cạnh tranh công bằng; tạo lập các cơ hội kinh doanh và khởi nghiệp rộng mở cho các tầng lớp nhân dân trong và ngoài tỉnh.

b) Cơ chế chính sách

- Công bố rộng rãi Quy hoạch tỉnh và định hướng phát triển các ngành kinh tế then chốt cùng với các cơ chế, chính sách và giải pháp hỗ trợ của nhà nước, đặc biệt là các cơ chế, chính sách của tỉnh đối với từng ngành nhằm định hướng đầu tư cho các nhà đầu tư sẵn có và tiềm năng trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh triển khai các chương trình, dự án đang thực hiện, xây dựng một số chương trình đột phá mang tính dài hạn để thực hiện mục tiêu đến năm 2030.

- Xác định các nội dung và phương thức hỗ trợ các nhà đầu tư, doanh nghiệp phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết nhằm nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Đa dạng hóa nguồn lực và phương thức thực hiện chương trình giảm nghèo theo hướng tăng khả năng tiếp cận của người nghèo đối với các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch,...) và giảm nghèo bền vững.

- Hình thành các phong trào sâu rộng, thường xuyên thu hút và động viên sự tham gia, ủng hộ của các tầng lớp nhân dân, các ngành, các cấp, các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội hỗ trợ người nghèo và các khu vực nghèo.

c) Cải cách hành chính

- Đẩy nhanh cải cách hành chính đồng bộ, toàn diện từ cải cách chức năng, nhiệm vụ của bộ máy tổ chức, sắp xếp vị trí việc làm một cách hợp lý đến cải cách tài chính công. Tập trung có trọng tâm vào hiện đại hóa nền hành chính, đổi mới quy trình, thủ tục hành chính gắn với một cửa liên thông, cải cách lề lối làm việc, đạo đức công vụ của cán bộ các cấp. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước các cấp và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Tập trung rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối của hệ thống chính trị gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Hiện đại hóa nền hành chính làm thay đổi căn bản phương thức, lề lối làm việc và hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

XII. BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Chi tiết danh mục bản đồ Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2.

1. Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định này là căn cứ để triển khai lập các quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Yên Bái theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn phải phù hợp với các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này, phù hợp với quy hoạch khác có liên quan, bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành.

Trong quá trình nghiên cứu triển khai các dự án cụ thể, ranh giới các vị trí quy hoạch, diện tích, quy mô, công suất các công trình, dự án được điều chỉnh bảo đảm phù hợp với tiến độ, yêu cầu thực tiễn phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành. Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất và phân kỳ đầu tư dự án.

3. Đối với các dự án quy hoạch đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động được nguồn lực thì báo cáo cấp có thẩm quyền chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

Điều 3.

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái

a) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch tỉnh sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Yên Bái; tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; tổ chức đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch.

c) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp thu hút đầu tư, bảo đảm nguồn lực tài chính, an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh, phát triển nguồn nhân lực, khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh.

d) Tiếp tục thực hiện các yêu cầu, nội dung bảo vệ môi trường khi triển khai các dự án thực hiện quy hoạch, bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường, góp phần phát triển bền vững; tổ chức quan trắc, giám sát, quản lý, bảo vệ môi trường; lưu giữ cơ sở dữ liệu, chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường phục vụ chuyển đổi số trong quá trình thực hiện quy hoạch.

đ) Sau khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nếu có nội dung mâu thuẫn so với quy hoạch cấp cao hơn, Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái có trách nhiệm rà soát, cập nhật, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt điều chỉnh, bổ sung theo quy định.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong hồ sơ quy hoạch, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bí mật nhà nước và pháp luật có liên quan khác.

Điều 4. Các bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái trong quá trình thực hiện quy hoạch; phối hợp với tỉnh Yên Bái nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục I

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN VÙNG NÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG TỈNH YÊN BÁI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Stt	Tên vùng	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)
1	Vùng trồng lúa	Thị xã Nghĩa Lộ và các huyện Văn Chấn, Văn Yên, Lục Yên, Trấn Yên, Yên Bình	5.500
2	Vùng trồng rau các loại	Thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và các huyện Văn Yên, Mù Cang Chải	500
3	Vùng trồng sắn	Các huyện Văn Yên, Yên Bình, Văn Chấn, Lục Yên	4.000
4	Vùng trồng chè	Thị xã Nghĩa Lộ và các huyện Văn Chấn, Yên Bình, Trấn Yên, Lục Yên, Văn Yên, Trạm Tấu	5.000
5	Vùng trồng cây ăn quả	Thị xã Nghĩa Lộ và các huyện Văn Chấn, Trấn Yên, Văn Yên, Lục Yên, Yên Bình, Mù Cang Chải, Trạm Tấu	5.000
6	Vùng trồng dâu tằm	Các huyện Trấn Yên, Văn Yên, Văn Chấn	2.000
7	Vùng trồng cao su	Thị xã Nghĩa Lộ và các huyện Văn Chấn, Văn Yên	2.266
8	Vùng trồng quế	Các huyện Văn Yên, Trấn Yên, Lục Yên, Văn Chấn, Yên Bình	80.000
9	Vùng trồng măng tre Bát Độ	Các huyện Trấn Yên, Văn Yên, Lục Yên, Yên Bình	5.000
10	Vùng trồng cây sơn tra	Các huyện Mù Cang Chải, Trạm Tấu	10.000
11	Vùng trồng cây mắc ca	Các huyện Lục Yên, Văn Chấn, Mù Cang Chải	
12	Vùng chăn nuôi	Các huyện Văn Yên, Văn Chấn, Lục Yên, Yên Bình, Trấn Yên	
13	Vùng nuôi trồng thủy sản	Thành phố Yên Bái và các huyện Yên Bình, Trấn Yên, Lục Yên, Văn Yên, Văn Chấn, Nghĩa Lộ	500

Phụ lục II

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH YÊN BÁI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Stt	Tên khu công nghiệp (KCN)	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)
	Tổng cộng:		**2.079,89**
I	**Các KCN đã thành lập**		**859,00**
1	KCN Phía Nam	Thành phố Yên Bái và huyện Yên Bình	400,00
2	KCN Âu Lâu	Thành phố Yên Bái	120,00
3	KCN Trấn Yên	Huyện Trấn Yên	339,00
4	KCN Minh Quân	Huyện Trấn Yên	195,89
	Trong đó: Mở rộng thêm 88 ha		
II	**Các KCN quy hoạch mới**		**1.025,00**
5	KCN Y Can	Huyện Trấn Yên	350,00
6	KCN Đông An	Huyện Văn Yên	350,00
7	KCN Thịnh Hưng	Huyện Yên Bình	104,00
8	KCN Lục Yên	Huyện Lục Yên	221,00

Ghi chú: Đối với các khu công nghiệp quy hoạch mới, địa điểm, quy mô và phạm vi ranh giới sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

Phụ lục III

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP TỈNH YÊN BÁI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Stt	Tên cụm công nghiệp (CCN)	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)
	Tổng cộng:		**1.288,21**
I	**Các CCN đã thành lập**		**445,81**
1	CCN Đầm Hồng	Thành phố Yên Bái	0,00
2	CCN Bảo Hưng	Huyện Trấn Yên	0,00
3	CCN Tây Cầu Mậu A	Huyện Văn Yên	0,00
4	CCN Thịnh Hưng	Huyện Yên Bình	53,05
5	CCN Sơn Thịnh	Huyện Văn Chấn	58,76
6	CCN Báo Đáp	Huyện Trấn Yên	20,00
7	CCN Hưng Khánh	Huyện Trấn Yên	20,00
8	CCN Minh Quân	Huyện Trấn Yên	75,00
9	CCN Đông An	Huyện Văn Yên	34,00
10	CCN Âu Lâu	Thành phố Yên Bái	75,00
	Trong đó: Mở rộng thêm 25 ha		
11	CCN Yên Thế	Huyện Lục Yên	55,00
	Trong đó: Mở rộng thêm 15,03 ha		
12	CCN Bắc Văn Yên	Huyện Văn Yên	55,00
	Trong đó: Giảm 17 ha		
II	**Các CCN quy hoạch mới**		**842,40**
1	CCN Hợp Minh	Thành phố Yên Bái và huyện Trấn Yên	37,40
2	CCN Phú Thịnh 1	Huyện Yên Bình	75,00
3	CCN Phú Thịnh 2	Huyện Yên Bình	75,00
4	CCN Phú Thịnh 3	Huyện Yên Bình	75,00
5	CCN Phú Thịnh 4	Huyện Yên Bình	75,00
6	CCN An Thịnh	Huyện Văn Yên	30,00
7	CCN Xuân Ái	Huyện Văn Yên	35,00

Stt	Tên cụm công nghiệp (CCN)	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)
8	CCN Yên Hợp	Huyện Văn Yên	75,00
9	CCN Bảo Minh	Huyện Trấn Yên	60,00
10	CCN Y Can	Huyện Trấn Yên	75,00
11	CCN Bảo Hưng 2	Huyện Trấn Yên	75,00
12	CCN Tân Lĩnh	Huyện Lục Yên	75,00
13	CCN Trạm Tấu	Huyện Trạm Tấu	10,00
14	CCN Mù Cang Chải	Huyện Mù Cang Chải	10,00
15	CCN Tân Hợp (giai đoạn 1)	Huyện Văn Yên	40,00
16	CCN Thượng Bằng La (giai đoạn 1)	Huyện Văn Chấn	20,00

Ghi chú: Đối với các cụm công nghiệp quy hoạch mới, địa điểm, quy mô và phạm vi ranh giới sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư. Đối với một số cụm công nghiệp dự kiến đầu tư sau năm 2030, như: Phú Thịnh 5, Phú Thịnh 6, Châu Quế Thượng, Nậm Búng,... trường hợp huy động được nguồn lực đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

Phụ lục IV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH YÊN BÁI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Stt	Tên đường	Địa điểm	Quy mô quy hoạch tối thiểu
A	**ĐƯỜNG BỘ** (*)		
I	**Đường cao tốc, quốc lộ**	**Tỉnh Yên Bái**	Theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021
II	**Đường tỉnh**		
II.1	**Các tuyến hiện có**		
1	Đường Yên Bái - Khe Sang (ĐT.163)	Thành phố Yên Bái, huyện Trấn Yên, huyện Văn Yên	Cấp IV_{mn}
2	Đường An Bình - Lâm Giang (ĐT.164)	Huyện Văn Yên	Cấp IV_{mn}
2.1	*Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh An Bình - Lâm Giang (ĐT.164)*		*Cấp IV_{mn}*
2.2	*Đường Lâm Giang - Lang Thíp*		*Cấp IV_{mn}*
3	Đường Mậu A - Tân Nguyên (ĐT.165)	Huyện Văn Yên, huyện Yên Bình và huyện Lục Yên	Cấp V_{mn}-IV_{mn}
3.1	*Cải tạo, nâng cấp đường Mậu A - Tân Nguyên (ĐT.165)*		*Cấp V_{mn} - IV_{mn}*
3.2	*Đường nối đường tỉnh 170 và Quốc lộ 70 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (đoạn An Phú - Tân Nguyên - Mậu A)*		*Cấp IV_{mn}*
3.3	*Đường An Phú, Minh Tiến, Liễu Đô, Mường Lai (Lục Yên) với Đồng Yên (Hà Giang)*		*Cấp IV_{mn}*
4	Đường Âu Lâu - Đông An (ĐT.166)	Thành phố Yên Bái, huyện Trấn Yên, huyện Văn Yên	Cấp V_{mn}-$V_{mn,}$ đô thị
4.1	*Cải tạo, nâng cấp đường Âu Lâu - Đông An (ĐT.166)*		*Cấp V_{mn}*

Stt	Tên đường	Địa điểm	Quy mô quy hoạch tối thiểu
4.2	*Đường nối đường tỉnh 163 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC13)*		*Đường đô thị*
5	Đường Yên Thế - Vĩnh Kiên (ĐT.170)	Huyện Lục Yên, huyện Yên Bình	Cấp IV_{mn}-V_{mn}
6	Đường Khánh Hòa - Minh Xuân (ĐT.171)	Huyện Lục Yên	Cấp IV_{mn}
7	Đường Đại Lịch - Minh An (ĐT.173)	Huyện Văn Chấn	Cấp V_{mn}
8	Đường Văn Chấn - Trạm Tấu (ĐT.174)	Thị xã Nghĩa lộ và huyện Trạm Tấu	Cấp IV_{mn}
9	Đường Mường La (tỉnh Sơn La) - Mù Cang Chải (tỉnh Yên Bái) (ĐT.175B)	Huyện Mù Cang Chải	Cấp V_{mn}
II.2	**Các tuyến đường nội tỉnh**		
1	Nút giao IC13 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Thành phố Yên Bái, huyện Trấn Yên	Hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật...
2	Đường nối Quốc lộ 32 (thị xã Nghĩa Lộ) với đường tỉnh 174 (huyện Trạm Tấu)	Thị xã Nghĩa Lộ, huyện Trạm Tấu	Cấp VI_{mn}
3	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Trạm Tấu (Yên Bái) - Bắc Yên (Sơn La)	Huyện Trạm Tấu	Cấp V_{mn}-IV_{mn}
4	Đường nối Quốc lộ 32C với Quốc lộ 37 và đường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	Thành phố Yên Bái	Đô thị
5	Đường nối Quốc lộ 37, Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Thành phố Yên Bái	Đô thị
6	Đường kết nối Mường La (Sơn La), Than Uyên, Tân Uyên (Lai Châu), Mù Cang Chải, Văn Chấn, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)	Huyện Mù Cang Chải, huyện Văn Yên	Cấp IV_{mn}

Stt	Tên đường	Địa điểm	Quy mô quy hoạch tối thiểu
7	Đường nối đường tỉnh 163 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Huyện Văn Yên	Cấp V_{mn}
8	Đường Khánh Hòa - Văn Yên	Huyện Văn Yên, huyện Lục Yên	Cấp V_{mn}
9	Đường nối Quốc lộ 32 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14)	Huyện Văn Chấn, thị xã Nghĩa Lộ	Đường đô thị
10	Đường nối Quốc lộ 32 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)	Huyện Văn Chấn, huyện Văn Yên	Cấp IV_{mn}
11	Nút giao IC15 cao tốc Nội Bài - Lào Cai (bao gồm cả tuyến đường dẫn, sửa chữa tuyến đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai khu vực nút giao)	Huyện Văn Yên	Hệ thống đường giao thông + hạ tầng kỹ thuật...
12	Tuyến đường nối ĐT.170, QL.70, ĐT.163, ĐT.166 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Huyện Yên Bình, huyện Trấn Yên và huyện Văn Yên	Cấp IV_{mn}
13	Tuyến đường kết nối đường tỉnh 172, Quốc lộ 37, Quốc lộ 32D với tuyến đường Quốc lộ 32 đi cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)	Huyện Trấn Yên, huyện Văn Chấn, huyện Văn Yên	Cấp IV_{mn}
14	Tuyến đường tránh Quốc lộ 37 (thành phố Yên Bái) kết nối thành phố Yên Bái, huyện Yên Bình và huyện Trấn Yên	Huyện Yên Bình, huyện Trấn Yên, thành phố Yên Bái	Cấp IV_{mn}-III_{mn}
15	Đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14) - Quốc lộ 70 - Tân Nguyên	Huyện Văn Yên, huyện Yên Bình	Cấp I, 6 làn xe
16	Đường Sơn Lương - Nậm Mười - Sùng Đô, huyện Văn Chấn	Huyện Văn Chấn	Cấp V_{mn}
17	Đường nối Quốc lộ 70, Quốc lộ 32C, Quốc lộ 37 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Thành phố Yên Bái	Đô thị
18	Đường trục chính cụm công nghiệp Phú Thịnh, huyện Yên Bình	Huyện Yên Bình	Đô thị

Stt	Tên đường	Địa điểm	Quy mô quy hoạch tối thiểu
II.3	**Các tuyến đường tỉnh kết nối với các tỉnh lân cận**		
1	Cải tạo, nâng cấp đường Lục Yên (tỉnh Yên Bái) - Bảo Yên (tỉnh Lào Cai)	Huyện Lục Yên	Cấp V_{mn}
2	Đường Văn Yên (Yên Bái) - Văn Bàn (Lào Cai)	Huyện Văn Yên	Cấp V_{mn}
3	Cải tạo, nâng cấp đường Văn Chấn (Yên Bái) - Yên Lập (Phú Thọ)	Huyện Văn Chấn	Cấp V_{mn}
4	Đường kết nối xã Nghĩa Tâm, huyện Văn Chấn (Yên Bái) - xã Trung Sơn, huyện Yên Lập (Phú Thọ)	Huyện Văn Chấn	Cấp V_{mn}
5	Đường kết nối xã Mường Lai, Lục Yên (Yên Bái) - xã Yên Lâm, Hàm Yên (Tuyên Quang)	Huyện Lục Yên	Cấp IV_{mn}
6	Đường kết nối xã Cảm Nhân, Yên Bình (Yên Bái) - xã Nhân Mục, Hàm Yên (Tuyên Quang)	Huyện Yên Bình	Cấp V_{mn}
7	Đường kết nối huyện Đoan Hùng (Phú Thọ), huyện Yên Sơn (Tuyên Quang) với huyện Yên Bình, thành phố Yên Bái (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC12)	Huyện Yên Bình	Cấp IV_{mn}-III_{mn} (bao gồm cầu vượt sông Chảy)
8	Đường kết nối xã Yên Thành, Yên Bình, (Yên Bái) với xã Hùng Đức, Yên Sơn (Tuyên Quang)	Huyện Yên Bình	Cấp V_{mn}
9	Đường kết nối xã Bình Thuận, huyện Văn Chấn (Yên Bái) - xã Mỹ Lương, huyện Yên Lập (Phú Thọ)	Huyện Văn Chấn	Cấp V_{mn}
10	Đường kết nối Quốc lộ 32, tỉnh Yên Bái với Quốc lộ 279, tỉnh Lào Cai	Huyện Văn Chấn, huyện Mù Cang Chải	Cấp V_{mn}
11	Đường kết nối Mù Cang Chải (Yên Bái) - Văn Bàn (Lào Cai)	Huyện Mù Cang Chải	Cấp V_{mn}

Stt	Tên đường	Địa điểm	Quy mô quy hoạch tối thiểu
12	Đường kết nối huyện Văn Chấn, huyện Trạm Tấu và huyện Mù Cang Chải (tỉnh Yên Bái) với huyện Mường La (tỉnh Sơn La)	Huyện Văn Chấn, huyện Trạm Tấu, huyện Mù Cang Chải	Cấp V_{mn}
II.4	Các tuyến đường đô thị, liên tỉnh, liên huyện, liên xã khác phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh	Tỉnh Yên Bái	
III	**Công trình cầu**		
1	Cầu Giới Phiên (qua sông Hồng)	Thành phố Yên Bái	Thiết kế vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DƯL, tải trọng HL93
2	Cầu vượt đường sắt An Bình	Huyện Văn Yên	Thiết kế vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DƯL, tải trọng HL93
3	Cầu Tô Mậu	Huyện Lục Yên	Thiết kế vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DƯL, tải trọng HL93
4	Cầu vượt hồ Thác Bà (đoạn An Phú - Tân Nguyên)	Các huyện Yên Bình, Lục Yên	Thiết kế vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DƯL, tải trọng HL93
5	Cầu Báo Đáp (qua sông Hồng)	Các huyện Trấn Yên, Văn Yên	Thiết kế vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DƯL, tải trọng HL93
6	Cầu Đông Cuông (qua sông Hồng)	Huyện Văn Yên	Thiết kế vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DƯL, tải trọng HL93

Stt	Tên đường	Địa điểm	Quy mô quy hoạch tối thiểu
7	Cầu Nga Quán (qua sông Hồng)	Huyện Trấn Yên	Thiết kế vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DƯL, tải trọng HL93
8	Cầu Tuy Lộc (qua sông Hồng)	Thành phố Yên Bái	Thiết kế vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DƯL, tải trọng HL93
9	Cầu Đại Phác (vượt suối Thia)	Huyện Văn Yên	Thiết kế vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DƯL, tải trọng HL93
10	Cầu Đại Minh (vượt sông Chảy)	Huyện Yên Bình	Thiết kế vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DƯL, tải trọng HL93
11	Cầu vượt hồ Thác Bà (Nối QL.70 với ĐT.170), huyện Yên Bình	Huyện Yên Bình	Thiết kế vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DƯL, tải trọng HL93
12	Xây dựng các công trình cầu trung, cầu nhỏ trên địa bàn tỉnh phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh	Tỉnh Yên Bái	
B	**CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA**		
I	**Cảng**		
I.1	**Cảng hiện có**		
1	Cảng vùng hồ Thác Bà (Hương Lý và Mông Sơn)	Huyện Yên Bình	Công suất 800 nghìn tấn/năm
2	Cảng nhập đá vôi (Công ty Cổ phần xi măng Yên Bình)	Huyện Yên Bình	Công suất 300 nghìn tấn/năm
3	Cảng xuất đá vôi (Công ty Cổ phần xi măng Yên Bình)	Huyện Yên Bình	Công suất 300 nghìn tấn/năm
I.2	**Cảng quy hoạch mới**		
1	Cảng Văn Phú	Thành phố Yên Bái	Công suất 700 nghìn tấn/năm

Stt	Tên đường	Địa điểm	Quy mô quy hoạch tối thiểu
2	Cảng Âu Lâu	Thành phố Yên Bái	Công suất 300 nghìn tấn/năm
3	Cảng Mậu A	Huyện Văn Yên	Công suất 300 nghìn tấn/năm
4	Cảng Minh Quân	Thành phố Yên Bái	Công suất 300 nghìn tấn/năm
5	Các cảng hành khách trên vùng hồ Thác Bà và sông Hồng	Tỉnh Yên Bái	Công suất 50 nghìn hành khách/năm
II	**Bến thủy nội địa**		
1	Các bến thủy nội địa trên vùng hồ Thác Bà (hàng hóa, hành khách)	Các huyện Yên Bình, Lục Yên	
2	Các bến thủy nội địa trên sông Hồng (hàng hóa, hành khách)	Thành phố Yên Bái và các huyện Trấn Yên, Văn Yên	
C	**BẾN XE, BÃI ĐỖ XE TĨNH**		
I	**Bến xe**		
I.1	**Bến xe hiện có**		
1	Bến xe Lục Yên	Huyện Lục Yên	loại IV-III
2	Bến xe Mù Cang Chải	Huyện Mù Cang Chải	loại IV
3	Bến xe Mậu A	Huyện Văn Yên	loại IV-III
4	Bến xe Thác Bà	Huyện Yên Bình	loại IV-III
5	Bến xe Hương Lý	Huyện Yên Bình	loại IV-III
I.2	**Bến xe quy hoạch mới**		
1	Bến xe liên tỉnh phía Nam	Huyện Trấn Yên	loại I
2	Bến xe Văn Chấn	Huyện Văn Chấn	loại IV-III
3	Bến xe Trạm Tấu	Huyện Trạm Tấu	loại IV
4	Bến xe Cổ Phúc	Huyện Trấn Yên	loại IV-III
II	**Bãi đỗ xe tĩnh**		
1	Xây dựng các bãi đỗ xe tĩnh tại trung tâm các phường, xã, thị trấn (22 - 33 bãi đỗ xe tĩnh)	Tỉnh Yên Bái	Tối thiểu từ 500m^2 trở lên

Stt	Tên đường	Địa điểm	Quy mô quy hoạch tối thiểu
D	**TRUNG TÂM LOGISTICS**		
1	Trung tâm logistics khu vực cảng Văn Phú	Thành phố Yên Bái	Hạng II, quy mô 20-30ha
2	Trung tâm logistics Minh Quân	Huyện Trấn Yên	Cấp tỉnh
3	Trung tâm logistics, kho chứa hàng hóa tại khu vực các nút giao giao thông quan trọng, cảng hàng hóa, khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Tỉnh Yên Bái	
Đ	**TRẠM DỪNG NGHỈ**		
1	Trạm dừng nghỉ trên tuyến đường nối nút giao IC12 (đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai) đi xã Việt Hồng, huyện Trấn Yên	Huyện Trấn Yên	Trạm dừng nghỉ kết hợp trung tâm trưng bày sản phẩm
2	Trạm dừng nghỉ trên tuyến Quốc lộ 70	Huyện Yên Bình	Loại 2, diện tích khoảng 7.000m^2
3	Trạm dừng nghỉ trên tuyến Quốc lộ 32	Huyện Văn Chấn	Loại 2, diện tích khoảng 5.000m^2
4	Trạm dừng nghỉ trên tuyến đường tỉnh 163	Các huyện Trấn Yên, Văn Yên	Loại 3, diện tích khoảng 3.000m^2
5	Trạm dừng nghỉ trên tuyến đường tỉnh 170	Các huyện Yên Bình, Lục Yên	Loại 3, diện tích khoảng 3.000m^2
E	**TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM**		
1	Đầu tư mới Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	Huyện Trấn Yên	
2	Nâng cấp Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Miền Tây	Thị xã nghĩa Lộ	
3	Đầu tư mới các Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới trên địa bàn các huyện: Mù Cang Chải, Lục Yên, Văn Yên	Huyện Mù Cang Chải, huyện Lục Yên và huyện Văn Yên	

Ghi chú: Cấp các tuyến đường bộ xây dựng thực tế được xác định theo dự án đầu tư và hồ sơ thiết kế được phê duyệt. Đối với các đoạn đường qua đô thị, quy mô xây dựng thực hiện theo quy hoạch đô thị.

Phụ lục V

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN TỈNH YÊN BÁI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NGUỒN ĐIỆN

Stt	Hạng mục	Địa điểm	Quy mô, công suất (MW)		Ghi chú
			Hiện trạng	Dự kiến quy mô	
I. Các dự án đang vận hành, dự án đang thi công và các dự án đã có trong quy hoạch					
I.1. Các dự án đang vận hành dự kiến nâng quy mô, công suất					
1	Mường Kim	Mù Cang Chải	13,5	16,0	
2	Hồ Bốn	Mù Cang Chải	18	24,0	
3	Nậm Tục (bậc 2)	Văn Chấn	3,0	7,0	
4	Phìn Hồ	Mù Cang Chải	10	18,0	
I.2. Các dự án đã có trong quy hoạch đang thi công xây dựng					
1	Chí Lư	Trạm Tấu		15,0	
2	Chấn Thịnh	Văn Chấn		10,0	
3	Mí Háng Tầu	Mù Cang Chải		4,6	
4	Đề Dính Máo	Mù Cang Chải		22,0	
5	Nậm Tăng 3	Trạm Tấu		17,5	
6	Hạnh Phúc	Văn Yên		7,0	
7	Bản Lìu	Trạm Tấu		3,0	
8	Thào Sa Chải	Mù Cang Chải		6,5	
9	Phìn Hồ 2	Mù Cang Chải		10,0	
10	Thác Bà 2	Yên Bình		18,9	
I.3. Các dự án đã có trong quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc					
1	Ngòi Hút 9	Văn Yên		11,0	2695/QĐ-BCT ngày 18/7/2017
2	Ngòi Hút 8	Văn Yên		11,0	2695/QĐ-BCT ngày 18/7/2017

Stt	Hạng mục	Địa điểm	Quy mô, công suất (MW)		Ghi chú
			Hiện trạng	Dự kiến quy mô	
3	Phong Dụ Thượng	Văn Yên		22,0	2610/QĐ-BCT ngày 07/10/2020
4	Phong Dụ Hạ	Văn Yên		16,0	2610/QĐ-BCT ngày 07/10/2020
5	Tân Lĩnh	Lục Yên		22,0	2610/QĐ-BCT ngày 07/10/2020
6	Lùng Cúm	Mù Cang Chải		7,0	215/QĐ-BCT ngày 20/8/2020
7	Phìn Ngài	Mù Cang Chải		9,2	2215/QĐ-BCT ngày 20/8/2020
8	Bản Công	Trạm Tấu		6,0	2544/QĐ-BCT ngày 30/9/2020
9	Khau Chu	Trạm Tấu		6,0	2544/QĐ-BCT ngày 30/9/2020
10	Tà Gềnh	Trạm Tấu		7,5	2544/QĐ-BCT ngày 30/9/2020
11	Chống Khua	Mù Cang Chải		9,5	2961/QĐ-BCT ngày 31/7/2017
12	Nha Tràng (Nả Háng)	Mù Cang Chải		2,6	336/QĐ-BCT ngày 06/02/2017
13	Dào Sa	Mù Cang Chải		15,5	4749/QĐ-BCT ngày 24/12/2018; 1565/QĐ-BCT ngày 16/6/2020
14	Hồ Bốn 2	Mù Cang Chải		5,0	2028/QĐ-BCT ngày 31/7/2020
15	Mảnh Tầu	Trạm Tấu		6,0	2215/QĐ-BCT ngày 20/8/2020
16	Đồng Ngãi	Trạm Tấu		9,0	2695/QĐ-BCT ngày 18/7/2017
17	Nậm Tục (bậc 1)	Văn Chấn, Trạm Tấu		21,0	4643/QĐ-BCT ngày 14/12/2018

Stt	Hạng mục	Địa điểm	Quy mô, công suất (MW)		Ghi chú
			Hiện trạng	Dự kiến quy mô	
18	Nậm Búng	Văn Chấn, Mù Cang Chải		11,0	745/QĐ-BCT ngày 05/02/2010
19	Nậm Đông II	Trạm Tấu		6,0	2544/QĐ-BCT ngày 30/9/2020
20	Nậm Pươi	Văn Chấn		15,0	856/QĐ-BCT ngày 11/3/2021
21	Lìm Thái	Mù Cang Chải		5,0	2215/QĐ-BCT ngày 20/8/2020
22	Cát Thịnh	Văn Chấn		5,0	2215/QĐ-BCT ngày 20/8/2020
II. Các dự án tiềm năng					
Phát triển các dự án điện tiềm năng, như: Điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, thủy điện và các nguồn năng lượng tái tạo phù hợp với Quy hoạch và kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tiềm năng và điều kiện thực tiễn phát triển của tỉnh bảo đảm tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước và quy định khác có liên quan.					

Ghi chú

(1) Các dự án thủy điện đang vận hành hoặc đã có trong quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc, chỉ điều chỉnh quy mô nâng công suất khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định.

(2) Đối với các dự án đã có trong quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc: Việc đầu tư các dự án phải được xem xét đánh giá kỹ lưỡng về tác động môi trường, đời sống dân sinh, diện tích chiếm đất, ảnh hưởng đến rừng tự nhiên, hiệu quả kinh tế...; bảo đảm đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định.

(3) Đối với các dự án điện có tiềm năng phát triển, như: Các dự án thủy điện nhỏ và vừa, dự án thủy điện cột nước thấp; dự án điện mặt trời; dự án điện sinh khối; dự án điện gió và dự án nhiệt điện,...: Việc đầu tư các dự án phải căn cứ Quy hoạch và kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, tiềm năng phát triển và các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước và các quy định có liên quan.

B. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN TRẠM ĐIỆN

Stt	Tên trạm	Máy	Hiện trạng		Quy hoạch	
			Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô dự kiến (MVA)
I. Trạm 220kV						
1	Trạm 220kV Yên Bái	AT1	220/110	125	220/110	250
		AT2	220/110	125	220/110	250
2	Trạm 220kV Nghĩa Lộ	AT1			220/110	250
3	Trạm 220kV Lục Yên	AT1			220/110	125
		AT2			220/110	125
II. Trạm 110kV						
**** Xây dựng mới***						
1	Bảo Hưng	T1			110/35/22	63
		T2			110/35/22	63
2	Yên Thế	T1			110/35/22	25
		T2			110/35/22	25
3	Trấn Yên	T1			110/35/22	40
		T2			110/35/22	40
4	Âu Lâu	T1			110/35/22	40
		T2			110/35/22	40
5	Thịnh Hưng	T1			110/35/22	25
6	Yên Bình	T1			110/35/22	40
7	KCN Đông An	T1			110/35/22	25
8	KCN Minh Quân	T1			110/35/22	25
		T2			110/35/22	25
9	NM thép	T1			110/35/22	63
		T2			110/35/22	63
		T3			110/35/22	63
10	Mù Cang Chải	T1			110/35/22	25
**** Mở rộng, nâng công suất***						
1	Yên Bái	T1	110/35/22	40	110/35/22	63
		T2	110/35/22	63	110/35/22	63

Stt	Tên trạm	Máy	Hiện trạng		Quy hoạch	
			Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô dự kiến (MVA)
2	Yên Bái 2	T1	110/35/22	40	110/35/22	63
		T2			110/35/22	63
3	Lục Yên	T1	110/35/22	25	110/35/22	25
		T2		16	110/35/22	40
4	Văn Yên	T1	110/35/22	40	110/35/22	40
		T2			110/35/22	40
5	Nghĩa Lộ	T1	110/35/22	25	110/35/22	40
		T2	110/35/22	25	110/35/22	40
6	Ba Khe	T1	110/35/22	25	110/35/22	25
		T2			110/35/22	25

Ghi chú: Việc đầu tư xây dựng các trạm biến áp phải căn cứ vào Quy hoạch và kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Danh mục trạm biến áp không bao gồm các trạm biến áp nâng áp của các dự án nguồn điện. Trong quá trình thực hiện, tùy điều kiện phát triển thực tiễn và quy hoạch để lắp đặt máy biến áp phù hợp; đối với máy biến áp 110kV, tùy vào cấp điện áp trung áp khu vực đang sử dụng và phụ tải tại khu vực cấp điện để lắp đặt số cuộn dây và cấp điện áp phù hợp.

C. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN ĐƯỜNG DÂY

Stt	Tên công trình	Tiết diện (mm^2)	Quy mô dự kiến		Ghi chú
			Số mạch	Chiều dài (km)	
I	**Đường dây 220kV**				
a	***Xây dựng mới***				
1	Bắc Quang - Rẽ Bảo Thắng - Yên Bái (Bắc Quang - Lục Yên)	ACSR400	2	43,0	
2	Huội Quảng - Nghĩa Lộ	ACSR400	2	103,0	
3	Nghĩa Lộ - Việt Trì	ACSR400	2	93,0	
4	Lục Yên - Rẽ Lào Cai - Yên Bái	ACSR400	4	5,0	

Stt	Tên công trình	Tiết diện (mm^2)	Quy mô dự kiến		Ghi chú
			Số mạch	Chiều dài (km)	
b	***Cải tạo nâng tiết diện***				
1	Yên Bái - Việt Trì	TACSR400	2	67,0	
2	Yên Bái - Tuyên Quang	TACSR500	2	36,0	
3	Yên Bái - Lục Yên	TACSR500	2	58,0	
II	**Đường dây 110kV**				
a	***Xây dựng mới***				
1	Rẽ 110kV Yên Thế	AC240	2	2,0	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Lục Yên - Bắc Quang
2	Rẽ 110kV Bảo Hưng	2xAC185	2	0,2	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Yên Bái - Nghĩa Lộ
3	TBA Trấn Yên - TC TBA 110kV Âu Lâu	AC240	2	13,0	
4	TBA 110kV Âu Lâu đấu về thanh cái trạm 110kV Bảo Hưng	AC240	2	16,4	
5	Xóa đấu nối chữ T trạm Yên Bái	AC185	2	0,5	
6	TBA 220kV Lục Yên - DZ 110kV Lào Cai	AC240	2	3,0	
7	TBA 220kV Lục Yên - DZ 110kV Bảo Yên	AC240	1	3,0	
8	TBA 220kV Lục Yên - rẽ 110kV Văn Yên	AC240	1	4,0	
9	TBA 220kV Lục Yên - 110kV Lục Yên	AC240	2	4,0	
10	TBA 220kV Lục Yên - DZ 110kV Lục Yên - Bắc Quang	AC240	1	1,0	

Stt	Tên công trình	Tiết diện (mm^2)	Quy mô dự kiến		Ghi chú
			Số mạch	Chiều dài (km)	
11	Rẽ 110kV Thịnh Hưng	AC240	2	0,8	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Thác Bà - 220kV Yên Bái
12	TC 110kV trạm 220kV Yên Bái - DZ 110kV Yên Bái - Nghĩa Lộ	2xAC185	1	1,3	Xóa chữ T
13	Rẽ Ba Khe - TBA 220kV Nghĩa Lộ	ACSR300	2	0,5	
14	TBA 220kV Nghĩa Lộ - DZ 110kV Nghĩa Lộ - Bảo Hưng	ACSR300	2	0,16	
15	TC 110kV của TBA 220kV Nghĩa Lộ - 110kV Nghĩa Lộ	ACSR300	1	3,0	
16	TBA 110kV Mù Cang Chải - TĐ Khao Mang Thượng	AC185	2	7,0	
17	NĐ sinh khối Trường Minh - Yên Bái 2	AC240	2	3,0	Đấu nối NĐ
18	TĐ Thác Bà 2 - DZ Thác Bà - Đoan Hùng	ACSR300	2	0,87	Đấu nối TĐ
19	TĐ Tân Lĩnh - TC 110kV của TBA 220kV Lục Yên	AC185	1	8,0	Đấu nối TĐ
20	TĐ Ngòi Hút 8,9 - TBA 110kV Văn Yên	AC185	1	23,6	Đấu nối TĐ
21	TĐ Phong Dụ Hạ - TĐ Ngòi Hút 8	AC185	1	5,9	Đấu nối TĐ
22	TĐ Phong Dụ Hạ - TĐ Phong Dụ Thượng	AC185	1	6,8	Đấu nối TĐ
23	TĐ Phìn Ngài - TĐ Ngòi Hút 2	AC185	1	16,0	Đấu nối TĐ
24	TĐ Thác Cá 1 - TĐ Văn Chấn	AC240	1	7,35	Đấu nối TĐ
25	TĐ Chí Lư - DZ 110kV Nghĩa Lộ - Ba Khe	ACSR300	2	2,6	Đấu nối TĐ

Stt	Tên công trình	Tiết diện (mm^2)	Quy mô dự kiến		Ghi chú
			Số mạch	Chiều dài (km)	
26	TĐ Nậm Tăng 3 - TĐ Pá Hu	AC185	1	10,0	Đấu nối TĐ
27	TĐ Chấn Thịnh - TBA 110kV Ba Khe	AC185	1	10,0	Đấu nối TĐ
28	TĐ Nậm Tục (bậc 1) - TC 110kV của TBA 220kV Nghĩa Lộ	AC185	1	11,0	Đấu nối TĐ
29	TĐ Nậm Pươi chuyển tiếp trên đường dây 110kV TĐ Ngòi Hút 2 đi TBA 110kV Nghĩa Lộ	AC240	2	10,0	Đấu nối TĐ
30	TĐ Dào Sa - TĐ Khao Mang*	AC185	1	8,0	Đấu nối TĐ
31	TĐ Phìn Hồ - Mường La (Sơn La)	AC185	1	2,0	Đấu nối TĐ
32	TĐ Đề Dính Máo - TĐ Phìn Hồ	AC185	1	4,0	Đấu nối TĐ
33	TĐ Bản Công - Trạm 220kV Nghĩa Lộ	AC185	1	22,0	Đấu nối TĐ
34	TĐ Nậm Đông 2 - 220kV Nghĩa Lộ	AC185	1	25,0	Đấu nối TĐ
35	110kV Mù Cang Chải - TĐ Đề Dính Máo	AC185	1	9,0	Đấu nối TĐ
36	KCN Minh Quân - DZ 110kV Yên Bái - Nghĩa Lộ	2xAC185	2	1,0	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Yên Bái - Nghĩa Lộ
37	KCN Đông An - Văn Yên	AC240	2	8,5	
38	Rẽ 110kV Yên Bình	AC240	2	5,0	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Thác Bà - Tuyên Quang
39	TBA 110kV NM Thép - 220kV Yên Bái	AC240	2	12,0	

Stt	Tên công trình	Tiết diện (mm^2)	Quy mô dự kiến		Ghi chú
			Số mạch	Chiều dài (km)	
40	TBA 110kV Văn Yên - TBA 110kV Trấn Yên	AC240	2	22,0	
41	Thủy điện Phong Dụ Thượng - Thủy điện Ngòi Hút 2	AC185	1	10,0	Đấu nối TĐ
b	***Cải tạo nâng tiết diện***				
1	Thác Bà - Đoan Hùng	AC300	1	12,14	
2	Thác Bà - 220kV Yên Bái	AC240	1	13,2	
3	Ba Khe - Phù Yên	AC240	1	3,6	
4	Thác Bà - Yên Bái - Rẽ Văn Yên	2xAC185	1	40,0	
5	DZ 110kV Yên Bái - 220kV Yên Bái	AC240	2	3,0	
6	DZ 110kV Văn Yên - TC 110kV trạm 220kV Lục Yên	2xAC185	1	22,5	
7	Thủy điện Phong Dụ Hạ - Thủy điện Ngòi Hút 8-9 - 110kV Văn Yên	2xAC185	1	29,0	Cải tạo

Ghi chú

(1) Trạm 110kV Mù Cang Chải đi vào vận hành sẽ chuyển đấu nối thủy điện Dào Sa về đấu nối tại trạm 110kV Mù Cang Chải.

(2) Việc đầu tư xây dựng các tuyến đường dây 220kV, 110kV căn cứ Quy hoạch và kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chiều dài đường dây sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án.

Phụ lục VI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH TỈNH YÊN BÁI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Stt	Hạng mục
I	**Cấp nước đô thị**
1	Nhà máy nước Yên Bình - Yên Bái (cấp nước sinh hoạt và công nghiệp cho thành phố Yên Bái, thị trấn Yên Bình và một số xã của huyện Yên Bình)
2	Nhà máy nước Trấn Yên - Yên Bái (cấp nước sinh hoạt và công nghiệp cho thành phố Yên Bái và một số xã của huyện Trấn Yên)
3	Nhà máy nước Nghĩa Lộ (thị xã Nghĩa Lộ)
4	Nhà máy nước Nghĩa Văn (khu vực Đông Nam thị xã Nghĩa Lộ)
5	Nhà máy nước Yên Thế (thị trấn Yên Thế và vùng phụ cận)
6	Nhà máy nước Khánh Hòa (đô thị Khánh Hòa và vùng phụ cận)
7	Nhà máy nước Mậu A (thị trấn Mậu A và vùng phụ cận)
8	Nhà máy nước An Thịnh (đô thị An Thịnh và vùng phụ cận)
9	Nhà máy nước An Bình (đô thị An Bình và vùng phụ cận)
10	Nhà máy nước Xuân Ái (đô thị Xuân Ái và vùng phụ cận)
11	Nhà máy nước Mù Cang Chải (thị trấn Mù Cang Chải và vùng phụ cận)
12	Nhà máy nước Púng Luông (đô thị Púng Luông và vùng phụ cận)
13	Nhà máy nước Cổ Phúc (thị trấn Cổ Phúc và vùng phụ cận)
14	Nhà máy nước Hưng Khánh (đô thị Hưng Khánh và vùng phụ cận)
15	Nhà máy nước Báo Đáp (đô thị Báo Đáp và vùng phụ cận)
16	Nhà máy nước Vân Hội (đô thị Vân Hội và vùng phụ cận)
17	Nhà máy nước Trạm Tấu (thị trấn Trạm Tấu và vùng phụ cận)
18	Nhà máy nước Sơn Thịnh (thị trấn Sơn Thịnh và vùng phụ cận)
19	Nhà máy nước TTNT Trần Phú (TTNT Trần Phú và vùng phụ cận)
20	Nhà máy nước TTNT Liên Sơn (TTNT Liên Sơn và vùng phụ cận)
21	Nhà máy nước Tú Lệ (đô thị Tú Lệ và vùng phụ cận)
22	Nhà máy nước Cát Thịnh (đô thị Cát Thịnh và vùng phụ cận)
23	Nhà máy nước Tân Thịnh (đô thị Tân Thịnh và vùng phụ cận)
24	Nhà máy nước Gia Hội (đô thị Gia Hội và vùng phụ cận)

Stt	Hạng mục
25	Nhà máy nước Thác Bà (thị trấn Thác Bà và vùng phụ cận)
26	Nhà máy nước Cảm Ân (đô thị Cảm Ân và vùng phụ cận)
27	Nhà máy nước Cảm Nhân (đô thị Cảm Nhân và vùng phụ cận)
II	**Cấp nước khu công nghiệp (KCN)**
1	KCN phía Nam
2	KCN Âu Lâu
3	KCN Minh Quân
4	KCN Trấn Yên
5	KCN Y Can
6	KCN Đông An
7	KCN Lục Yên
8	KCN Thịnh Hưng
III	**Đầu tư sửa chữa nâng cấp, xây dựng mới các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh**

Phụ lục VII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH YÊN BÁI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Stt	Hạng mục	Địa điểm xây dựng	Ghi chú
A	**Giai đoạn 2021 - 2025**		
I	**Công trình xây mới**		
1	Hồ Đầm Lớn	Thành phố Yên Bái	Quyết định số 5206/QĐ-BNN-TCTL
2	Đập Phai Rin	Huyện Văn Chấn	
3	Đập Ngòi Gùa	Huyện Trấn Yên	
4	61 đập	Tỉnh Yên Bái	
II	**Công trình cải tạo, nâng cấp**		
1	Đập Làng San I+II	Huyện Mù Cang Chải	Quyết định số 5206/QĐ-BNN-TCTL
2	Đập Ma Lừ Thàng	Huyện Mù Cang Chải	
3	Đập Háng Chua	Huyện Mù Cang Chải	
4	Đập Súa Chà Trừ	Huyện Mù Cang Chải	
5	Thủy lợi Nả Háng A, B	Huyện Mù Cang Chải	
6	Đập Đề Chớ Chúa	Huyện Mù Cang Chải	
7	Hồ Khe Ngang	Huyện Văn Yên	
8	Hồ Khe Vải	Huyện Văn Yên	
9	Hồ Khe Dứa	Huyện Văn Yên	
10	Hồ Đầm Hậu	Huyện Trấn Yên	
11	Hồ Chóp Dù	Huyện Trấn Yên	
12	Hồ Ngòi Thót	Huyện Trấn Yên	
13	Hồ Đất Đỏ	Huyện Trấn Yên	
14	Hồ Lan Đình	Huyện Trấn Yên	
15	50 đập tưới	Tỉnh Yên Bái	
16	Trạm bơm Báo Đáp 2	Huyện Trấn Yên	
17	Trạm bơm Đào Thịnh	Huyện Trấn Yên	
18	Trạm bơm Bái Dương	Thành phố Yên Bái	
19	Trạm bơm Xuân Lan	Thành phố Yên Bái	
20	Trạm bơm Hợp Minh	Thành phố Yên Bái	

Stt	Hạng mục	Địa điểm xây dựng	Ghi chú
21	4 trạm bơm tưới	Tỉnh Yên Bái	
22	Nâng cấp, sửa chữa 124 công trình tưới tiêu	Tỉnh Yên Bái	
III	**Công trình tưới khu sản xuất tập trung**		
1	Cấp nước tưới cho các khu sản xuất lúa thâm canh chất lượng cao thuộc cánh đồng Mường Lò (Giai đoạn 1)	Thị xã Nghĩa Lộ và huyện Văn Chấn	Quyết định số 5206/QĐ-BNN-TCTL
2	Cấp nước tưới cho các khu sản xuất lúa thâm canh chất lượng cao Đại Phú An - Đông Cuông	Huyện Văn Yên	
IV	**Công trình thủy lợi nội đồng**		
1	Hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng (khoảng 300 công trình)	Tỉnh Yên Bái	
V	**Tưới tiên tiến, tiết kiệm nước**		
1	Tưới tiết kiệm cho diện tích trồng nhãn, quýt đường canh, cam, bưởi, cây ăn quả khác	Thị xã Nghĩa Lộ và các huyện Văn Chấn, Lục Yên, Yên Bình	Quyết định số 5206/QĐ-BNN-TCTL
2	Tưới phun mưa cho cây rau, màu và cây hoa	Thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và các huyện Mù Cang Chải, Văn Yên, Trấn Yên	
3	Tưới tiết kiệm nước cho cây chè	Các huyện Trấn Yên, Văn Chấn	
B	**Giai đoạn 2026 - 2030**		
I	**Công trình xây mới**		
1	Đập Sài Lương 2	Huyện Văn Chấn	Quyết định số 5206/QĐ-BNN-TCTL
2	Đập Nhiêu Năm I	Huyện Trấn Yên	
3	Đập Nạ Phang	Huyện Trạm Tấu	
4	Đập Khe Xá 1	Huyện Trấn Yên	
5	Đập Cảm Nhân	Huyện Yên Bình	
6	100 đập tưới	Tỉnh Yên Bái	
II	**Công trình cải tạo, nâng cấp**		
1	Đập Phình Hồ	Huyện Mù Cang Chải	Quyết định số
2	Đập Hầu Đề Zếch Móng	Huyện Mù Cang Chải	

Stt	Hạng mục	Địa điểm xây dựng	Ghi chú
3	Đập Sùng Là Sử	Huyện Mù Cang Chải	5206/QĐ-BNN-TCTL
4	Hồ Tự Do	Huyện Trấn Yên	
5	Hồ Đá Mà	Huyện Trấn Yên	
6	Thủy lợi Hố Hồ	Huyện Yên Bình	
7	Nâng cấp, sửa chữa 86 công trình tưới tiêu	Tỉnh Yên Bái	
III	**Công trình thủy lợi nội đồng**		
1	Hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng (khoảng 350 công trình)	Tỉnh Yên Bái	
IV	**Tưới tiên tiến, tiết kiệm nước**		
1	Tưới tiết kiệm nước cho cây chè	Thị xã Nghĩa Lộ và các huyện Văn Chấn, Trấn Yên	Quyết định số 5206/QĐ-BNN-TCTL
2	Tưới tiết kiệm nước cho cây nhãn, cây chuối	Huyện Văn Yên	
C	**Đê, kè**		
1	Xây dựng mới và củng cố, nâng cấp các tuyến đê, kè và công trình trên đê	Tỉnh Yên Bái	

Phụ lục VIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI TỈNH YÊN BÁI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Stt	Tên khu xử lý	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)	
			2025	2030
1	Khu xử lý chất thải rắn Nam Thành	Thành phố Yên Bái	35,0	35,0
2	Khu xử lý chất thải rắn Nghĩa Lộ	Thị xã Nghĩa Lộ	13,0	13,0
3	Khu xử lý chất thải rắn Lục Yên	Huyện Lục Yên	8,0	8,0
4	Khu xử lý chất thải rắn Văn Yên	Huyện Văn Yên	10,0	20,0
5	Khu xử lý chất thải rắn Mù Cang Chải	Huyện Mù Cang Chải	5,0	10,0
6	Khu xử lý chất thải rắn Trấn Yên	Huyện Trấn Yên	5,0	10,0
7	Khu xử lý chất thải rắn Trạm Tấu	Huyện Trạm Tấu	2,0	2,0
8	Khu xử lý chất thải rắn Văn Chấn	Huyện Văn Chấn	10,0	20,0
9	Khu xử lý chất thải rắn Yên Bình	Huyện Yên Bình	6,0	12,0

Ghi chú: Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, công nghệ áp dụng của các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt quy hoạch xây dựng, dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn của từng thời kỳ.

Phụ lục IX

CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

TỈNH YÊN BÁI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: ha

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng 2020	Diện tích cấp quốc gia phân bổ (QĐ 326/QĐ-TTg)	Diện tích cấp tỉnh xác định, xác định bổ sung	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	Tăng giảm so với năm 2020
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**617.887**	**606.283**		**606.283**	**-11.604**
	Trong đó:						
1.1	Đất trồng lúa	LUA	29.238	25.960		25.960	
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	22.004	19.200		19.200	-3.278
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	49.024		46.964	46.964	-2.060
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	153.419	136.000		136.000	-17.419
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	36.148	31.226		31.226	-4.922
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	303.241	316.458		316.458	13.217
	Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	105.066	87.533		87.533	-17.533
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**56.737**	**75.149**		**75.149**	**18.412**
	Trong đó:						
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.920	2.370		2.370	450
2.2	Đất an ninh	CAN	246	397		397	151
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	457	2.080		2.080	1.623
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	103		1.288	1.288	1.185
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	85		2.701	2.701	2.616
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1.114		1.510	1.510	396
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	2.221		3.750	3.750	1.529
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	12.549	20.356	381	20.737	8.188
	Trong đó						
-	Đất giao thông	DGT	8.135	13.644	19	13.663	5.528
-	Đất thủy lợi	DTL	1.379		911	911	-468
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	122	187		187	65
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	82	112		112	30

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng 2020	Diện tích cấp quốc gia phân bổ (QĐ 326/QĐ-TTg)	Diện tích cấp tỉnh xác định, xác định bổ sung	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	Tăng giảm so với năm 2020
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	439	541		541	102
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	218	764		764	546
-	Đất công trình năng lượng	DNL	1.155	2.960		2.960	1.805
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	16	21		21	5
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		4		4	4
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	36		63	63	27
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	812		1.051	1.051	239
-	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	34	136		136	102
-	Đất bải thải, xử lý chất thải	DRA	69	145		145	76
2.9	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			41	41	41
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	5.359		7.979	7.979	2.620
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	1.343		3.040	3.040	1.696
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	138		188	188	50
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	22		24	24	2
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**14.643**	**7.835**		**7.835**	**-6.808**
3.1	Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng			6.808		6.808	
3.2	Đất chưa sử dụng còn lại			7.835		7.835	
4	**Đất đô thị**		**18.198**	**29.799**		**29.799**	**11.601**

Phụ lục X

PHƯƠNG ÁN BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC TỈNH YÊN BÁI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Stt	Tên khu bảo tồn/khu vực giàu đa dạng sinh học	Địa điểm	Quy mô dự kiến (ha)
1	Khu bảo tồn thiên nhiên Nà Hẩu	Huyện Văn Yên	11.273,5
2	Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Mù Cang Chải	Huyện Mù Cang Chải	19.952,5
3	Di tích lịch sử danh thắng quốc gia hồ Thác Bà	Huyện Yên Bình	23.000,0
4	Danh thắng quốc gia đặc biệt ruộng bậc thang Mù Cang Chải	Huyện Mù Cang Chải	660,2
5	Khu rừng Tân Phượng	Huyện Lục Yên	5.200,0
6	Khu đa dạng sinh học Trạm Tấu	Huyện Trạm Tấu	40.267,7
7	Khu đa dạng sinh học Khau Phạ	Các huyện Mù Cang Chải, Văn Chấn	3.203,2

Phụ lục XI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG NGHĨA TRANG TỈNH YÊN BÁI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Stt	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)	
			2025	2030
1	Nghĩa trang Đá Bia	Thành phố Yên Bái	40,0	40,0
2	Nghĩa trang An Bình Viên	Thành phố Yên Bái, huyện Yên Bình	100,0	100,0
3	Nghĩa trang thị xã Nghĩa Lộ	Thị xã Nghĩa Lộ	21,0	21,0
4	Nghĩa trang Lục Yên	Huyện Lục Yên	5,0	10,0
5	Nghĩa trang Văn Yên	Huyện Văn Yên	5,0	10,0
6	Nghĩa trang Mù Cang Chải	Huyện Mù Cang Chải	5,0	10,0
7	Nghĩa trang Trấn Yên	Huyện Trấn Yên	5,0	10,0
8	Nghĩa trang Trạm Tấu	Huyện Trạm Tấu	5,0	10,0
9	Nghĩa trang Văn Chấn	Huyện Văn Chấn	5,0	10,0
10	Nghĩa trang Yên Bình	Huyện Yên Bình	22,0	22,0

Ghi chú: Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, công nghệ áp dụng của các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt quy hoạch xây dựng, dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn của từng thời kỳ.

Phụ lục XII

PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH BẢO VỆ, THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN TỈNH YÊN BÁI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

I. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Stt	Loại khoáng sản	Số lượng mỏ									
		Yên Bái	Lục Yên	Mù Cang Chải	Trạm Tấu	Trấn Yên	Văn Chấn	Văn Yên	Yên Bình	Nghĩa Lộ	Tổng
1	Than		1							1	**2**
2	Quặng sắt			1		9	12	5			**27**
3	Quặng chì - kẽm			3	1		1				**5**
4	Quặng vàng						3				**3**
5	Felspat - granit BPH	1							2		**3**
6	Kaolin	1				1					**2**
7	Grafit							1			**1**
8	Đá vôi trắng, đá vật liệu xây dựng		1								**1**
9	Thạch anh			2	1	1	1			1	**6**
10	Sét làm gạch					2		1		2	**5**
11	Cát, sỏi	1	1	2		5	2	6		1	**18**
12	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường		3		1	3	8	6		1	**22**
13	Đất san lấp	2				2					**4**
	Tổng	**5**	**6**	**8**	**3**	**23**	**27**	**19**	**2**	**6**	**99**

II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Stt	Loại khoáng sản	Số lượng mỏ									
		Yên Bái	Lục Yên	Mù Cang Chải	Trạm Tấu	Trấn Yên	Văn Chấn	Văn Yên	Yên Bình	Nghĩa Lộ	Tổng
1	Than		2				3				**5**
2	Quặng sắt			1		16	15	7			**39**
3	Quặng chì - kẽm			9	2		1		1		**13**
4	Quặng vàng						1				**1**
5	Felspat - granit BPH	2							4		**6**
6	Kaolin	1				1					**2**
7	Đá vôi trắng, đá vật liệu xây dựng		3								**3**
8	Đá quý, đá bán quý		1						1		**2**
9	Thạch anh			2	1		3			1	**7**
10	Sét làm gạch	2				3	1	3		2	**11**
11	Cát, sỏi	5	9	2		8	4	14	1	1	**44**
12	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường		9	1		6	22	10	3	2	**53**
13	Đất san lấp	2				2					**4**
	Tổng	**12**	**24**	**15**	**3**	**36**	**50**	**34**	**10**	**6**	**190**

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ quy hoạch cấp cao hơn, phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan để rà soát, xác định và điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh, bổ sung số lượng, ranh giới, quy mô, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng các điểm mỏ (nếu cần) bảo đảm phù hợp với thực tiễn phát triển của tỉnh và các quy định hiện hành. Các khu vực bãi thải của mỏ có quyết định đóng cửa mỏ và các khu vực khoáng sản được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố là khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ thì quy mô diện tích, công suất, giai đoạn theo dự án đầu tư, đề án thăm dò được lập và phê duyệt. Đối với một số khu vực mỏ, khoáng sản dự kiến khai thác sau năm 2030, trường hợp đủ điều kiện và huy động được nguồn lực đầu tư thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận cho phép triển khai sớm hơn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Phụ lục XIII

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TỈNH YÊN BÁI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
I	**Công nghiệp**	
1	Nhà máy chế biến sâu các sản phẩm từ quế	Các huyện Văn Yên, Văn Chấn, Trấn Yên…
2	Nhà máy chế biến sơn tra	Các huyện Mù Cang Chải, Trạm Tấu, Văn Chấn…
3	Nhà máy chế biến chè chất lượng cao	Khu, cụm công nghiệp
4	Nhà máy sản xuất, chế biến gỗ cao cấp	Khu, cụm công nghiệp
5	Nhà máy sản xuất đồ gỗ nội ngoại thất	Khu, cụm công nghiệp
6	Nhà máy sản xuất giấy viết, giấy lụa, giấy bao bì	Khu công nghiệp
7	Nhà máy sản xuất gạch không nung	Khu, cụm công nghiệp
8	Nhà máy sản xuất sứ vệ sinh, sứ dân dụng, gạch ốp lát và các loại vật liệu xây dựng cao cấp	Khu, cụm công nghiệp
9	Nhà máy sản xuất gạch ốp lát từ đá hoa trắng, đá thạch anh	Các huyện Lục Yên, Trấn Yên
10	Nhà máy luyện phôi thép, cán thép	Khu công nghiệp
11	Nhà máy luyện đồng kim loại	Khu công nghiệp
12	Nhà máy chế biến chì - kẽm kim loại	Khu công nghiệp
13	Nhà máy sản xuất thiết bị và linh kiện cơ khí	Khu, cụm công nghiệp
14	Nhà máy sản xuất linh kiện, cụm linh kiện điện tử	Khu, cụm công nghiệp
15	Nhà máy hóa chất, sản xuất sơn công nghiệp, chất tẩy rửa	Khu, cụm công nghiệp
16	Nhà máy sản xuất nhựa, hạt nhựa	Khu, cụm công nghiệp
17	Nhà máy sản xuất sản phẩm nhựa gia dụng, linh kiện, phụ tùng bằng nhựa	Khu, cụm công nghiệp
18	Nhà máy dệt lụa tơ tằm	Huyện Trấn Yên
19	Dự án khai thác và chế biến đá vôi trắng	Huyện Lục Yên

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
20	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá hoa	Huyện Lục Yên
21	Dự án đầu tư khai thác và chế biến đá hoa trắng	Huyện Lục Yên
22	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến mỏ đá hoa	Huyện Lục Yên
23	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác lộ thiên mỏ đá hoa làm đá ốp lát và sản xuất bột $CaCO_3$	Huyện Lục Yên
24	Dự án đầu tư nhà máy chế biến Graphit Yên Bái	Huyện Trấn Yên
25	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến, tuyển rửa quặng sắt	Thành phố Yên Bái, huyện Trấn Yên
26	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thạch anh	Huyện Trấn Yên
27	Dự án khai thác và xây dựng nhà máy tuyển quặng chì - kẽm	Huyện Trạm Tấu
28	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến quặng sắt mỏ quặng	Huyện Văn Chấn
29	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất đa kim loại mầu	Huyện Văn Chấn
30	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác và tuyển quặng đồng	Huyện Văn Chấn
31	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy tuyển nổi tinh quặng chì kẽm	Huyện Yên Bình
32	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất, chế biến đá vôi trắng	Các huyện Yên Bình, Trấn Yên
33	Nhà máy luyện gang thép	Khu công nghiệp
34	Dự án đầu tư nhà máy luyện đồng và than cốc	Khu công nghiệp
II	**Nông nghiệp**	
1	Vùng trồng cây lâu năm	Thị xã Nghĩa Lộ và các huyện Văn Chấn, Trấn Yên, Yên Bình, Trạm Tấu, Lục Yên, Mù Cang Chải

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
3	Các dự án phát triển trồng trọt (chè, cây ăn quả, dâu, dược liệu, quế, sơn tra, măng tre Bát Độ)	Tỉnh Yên Bái
4	Các dự án phát triển chăn nuôi hàng hóa theo chuỗi liên kết	Tỉnh Yên Bái
5	Các dự án phát triển chăn nuôi đặc sản, hữu cơ	Tỉnh Yên Bái
6	Các dự án hỗ trợ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm	Tỉnh Yên Bái
7	Các dự án hỗ trợ phát triển các vùng nông nghiệp tập trung, các vùng nông nghiệp hữu cơ	Tỉnh Yên Bái
III	**Thương mại dịch vụ**	
1	Cụm thương mại dịch vụ tổng hợp	Thành phố Yên Bái và các huyện Trấn Yên, Văn Yên, Yên Bình
2	Dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các chợ	Tỉnh Yên Bái
3	Siêu thị	Thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và các huyện: Trấn Yên, Văn Yên, Yên Bình, Lục Yên, Văn Chấn
4	Trung tâm thương mại	Thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và các huyện: Yên Bình, Lục Yên
5	Trung tâm hội chợ triển lãm	Thành phố Yên Bái
IV	**Văn hóa thể thao, du lịch**	
IV.1	**Văn hóa thể thao**	
1	Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh Yên Bái	Thành phố Yên Bái
2	Trung tâm văn hóa tỉnh Yên Bái	Thành phố Yên Bái
3	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi	Thành phố Yên Bái
4	Tượng đài trung tâm Quảng trường 19/8	Thành phố Yên Bái
5	Nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới các Trung tâm truyền thông văn hóa	Tỉnh Yên Bái
6	Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo thư viện công cộng	Tỉnh Yên Bái
7	Xây dựng nhà truyền thống	Tỉnh Yên Bái
IV.2	**Du lịch**	
1	Các dự án đầu tư phát triển du lịch	Tỉnh Yên Bái

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
V	**Y tế**	
1	Nâng cấp, cải tạo Bệnh viện Đa khoa tuyến tỉnh	Thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ
2	Nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới trung tâm y tế tuyến huyện	Tỉnh Yên Bái
3	Nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới hệ thống xử lý nước thải y tế	Tỉnh Yên Bái
4	Nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới các cơ sở y tế	Tỉnh Yên Bái
VI	**Giáo dục và đào tạo**	
1	Nâng cấp, cải tạo và xây mới cơ sở vật chất; mua sắm trang thiết bị các cơ sở giáo dục	Tỉnh Yên Bái
2	Xây dựng hệ thống các trường mầm non và phổ thông trọng điểm về chất lượng	Tỉnh Yên Bái
3	Dự án giáo dục thông minh xanh ở các trường mầm non và trường phổ thông	Tỉnh Yên Bái
4	Nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới các trường cao đẳng; trung tâm giáo dục thường xuyên,...	Tỉnh Yên Bái
5	Chuyển đổi số trong giáo dục tỉnh Yên Bái	Tỉnh Yên Bái
VII	**Quản lý nhà nước**	
1	Trung tâm Hội nghị tỉnh Yên Bái	Thành phố Yên Bái
2	Trụ sở Tỉnh ủy và các ban đảng	Thành phố Yên Bái
3	Trung tâm bồi dưỡng chính trị tỉnh Yên Bái	Tỉnh Yên Bái
4	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới trụ sở làm việc khối các cơ quan nhà nước tỉnh Yên Bái	Tỉnh Yên Bái
VIII	**Lao động - Thương binh và Xã hội - Hệ thống cơ sở trợ giúp xã hội**	
1	Dự án cải tạo, nâng cấp cơ sở cai nghiện ma túy	Huyện Yên Bình
2	Dự án nâng cấp, mở rộng Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội	Thành phố Yên Bái
3	Dự án nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới Trung tâm điều dưỡng người có công và người cao tuổi	Thành phố Yên Bái

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
IX	**Khoa học - công nghệ**	
1	Dự án Trạm nghiên cứu, thực nghiệm, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	Thành phố Yên Bái
2	Dự án tăng cường tiềm lực lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng - ứng dụng năng lượng nguyên tử	Thành phố Yên Bái
3	Dự án Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo	Thành phố Yên Bái
X	**Giao thông**	
1	Cải tạo, nâng cấp ĐT.163, ĐT.164, ĐT.165, ĐT.166, ĐT.170, ĐT.171, ĐT.172, ĐT.173, ĐT.174, ĐT.175B	Tỉnh Yên Bái
2	Đường kết nối Mường La (Sơn La), Than Uyên, Tân Uyên (Lai Châu), Mù Cang Chải, Văn Chấn, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)	Các huyện Mù Cang Chải, Văn Yên
3	Đường nối Quốc lộ 32 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14)	Thị xã Nghĩa Lộ; huyện Văn Chấn
4	Đường nối Quốc lộ 32 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)	Huyện Văn Chấn; huyện Văn Yên
5	Đường nối ĐT.163 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)	Huyện Văn Yên
6	Đường nối QL.32 (Thị xã Nghĩa Lộ) với Đường tỉnh 174 (huyện Trạm Tấu)	Huyện Trạm Tấu; Thị xã Nghĩa Lộ
7	Cải tạo, nâng cấp đường Văn Chấn (Yên Bái) - Yên Lập (Phú Thọ), huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	Huyện Văn Chấn
8	Đường nối QL.37, QL.32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Thành phố Yên Bái
9	Đường nối Quốc lộ 32C với Quốc lộ 37 và đường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	Thành phố Yên Bái
10	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Trạm Tấu (Yên Bái) - Bắc Yên (Sơn La)	Huyện Trạm Tấu
11	Đường Sơn Lương - Nậm Mười - Sùng Đô, huyện Văn Chấn	Huyện Văn Chấn

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
12	Nút giao IC13 cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Thành phố Yên Bái; huyện Trấn Yên
13	Cải tạo đường nối QL.37 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)	Huyện Trấn Yên; huyện Văn Yên
14	Xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông liên vùng hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội các huyện nghèo tỉnh Yên Bái (đường Khánh Hòa - Văn Yên)	Huyện Lục Yên; huyện Văn Yên
15	Đường nối Quốc lộ 70, Quốc lộ 32C, Quốc lộ 37 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Thành phố Yên Bái
16	Đường Lục Yên (tỉnh Yên Bái) - Bảo Yên (tỉnh Lào Cai)	Huyện Lục Yên
17	Đường Phong Dụ Hạ, huyện Văn Yên (Yên Bái) - Nậm Tha, huyện Văn Bàn (Lào Cai)	Huyện Văn Yên
18	Đường kết nối xã Nghĩa Tâm, huyện Văn Chấn (Yên Bái) - xã Trung Sơn, huyện Yên Lập (Phú Thọ)	Huyện Văn Chấn
19	Đường trục chính cụm công nghiệp Phú Thịnh, huyện Yên Bình	Huyện Yên Bình
20	Đường nối ĐT.170 và QL.70 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (đoạn An Phú - Tân Nguyên - Mậu A)	Các huyện: Văn Yên, Yên Bình, Lục Yên
21	Nút giao IC15 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Huyện Văn Yên
22	Đường kết nối huyện Đoan Hùng (Phú Thọ), huyện Yên Sơn (Tuyên Quang) với huyện Yên Bình, thành phố Yên Bái (Yên Bái) với đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC12)	Thành phố Yên Bái và huyện Yên Bình
23	Đường kết nối An Phú, Minh Tiến, Liễu Đô, Mường Lai (Lục Yên, tỉnh Yên Bái) với Đồng Yên, (Bắc Quang, tỉnh Hà Giang)	Huyện Lục Yên
24	Đường kết nối QL.32, tỉnh Yên Bái với QL.279, tỉnh Lào Cai	Huyện Mù Cang Chải
25	Đường kết nối Mù Cang Chải (Yên Bái) - Văn Bàn (Lào Cai)	Huyện Mù Cang Chải
26	Đường nối xã Mường Lai, Lục Yên (Yên Bái) - xã Yên Lâm, Hàm Yên (Tuyên Quang)	Huyện Lục Yên

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
27	Đường nối xã Cảm Nhân, Yên Bình (Yên Bái) - xã Nhân Mục, Hàm Yên (Tuyên Quang)	Huyện Yên Bình
28	Đường kết nối xã Yên Thành, Yên Bình (Yên Bái) với xã Hùng Đức, Yên Sơn (Tuyên Quang)	Huyện Yên Bình
29	Đường kết nối xã Bình Thuận, huyện Văn Chấn (Yên Bái) - xã Mỹ Lương, huyện Yên Lập (Phú Thọ)	Huyện Văn Chấn
30	Tuyến đường tránh QL.37 thành phố Yên Bái kết nối huyện Yên Bình với huyện Trấn Yên	Huyện Yên Bình; huyện Trấn Yên
31	Tuyến đường nối ĐT.170, QL.70, ĐT.163, ĐT.166 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Các huyện: Yên Bình, Trấn Yên, Văn Yên
32	Tuyến đường kết nối ĐT.172, QL.37, QL.32D với tuyến đường QL.32 đi cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)	Các huyện: Trấn Yên, Văn Chấn, Văn Yên
33	Đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14) - QL.70 - Tân Nguyên	Huyện Văn Yên; huyện Yên Bình
34	Đường kết nối huyện Văn Chấn, huyện Trạm Tấu và huyện Mù Cang Chải (tỉnh Yên Bái) với huyện Mường La (tỉnh Sơn La)	Các huyện: Văn Chấn, Trạm Tấu, Mù Cang Chải
35	Các cầu: Giới Phiên, thành phố Yên Bái; Tô Mậu, huyện Lục Yên; cầu vượt đường sắt khu vực xã An Bình, huyện Văn Yên, Đại Phác, huyện Văn Yên, cầu vượt hồ Thác Bà (Tân Nguyên - An Phú), huyện Yên Bình và huyện Lục Yên; Đại Minh, huyện Yên Bình; Báo Đáp, huyện Trấn Yên và huyện Văn Yên; Tuy Lộc, thành phố Yên Bái, cầu Đông Cuông, huyện Văn Yên, Nga Quán, huyện Trấn Yên; cầu vượt hồ Thác Bà (Nối QL.70 với ĐT.170), huyện Yên Bình	Tỉnh Yên Bái
36	Trung tâm logistics xã Văn Phú, thành phố Yên Bái	Thành phố Yên Bái
37	Nâng cấp cảng Hương Lý, cảng Mông Sơn, cảng xuất, nhập đá vôi xi măng Yên Bình	Huyện Yên Bình

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
38	Xây dựng cảng Văn Phú, cảng Mậu A, cảng Âu Lâu, Minh Quân	Thành phố Yên Bái, huyện Văn Yên
39	Xây dựng cảng hành khách vùng hồ Thác Bà	Huyện Yên Bình
40	Xây dựng bến thuyền du lịch	Huyện Yên Bình
41	Nâng cấp và xây dựng mới các bến thủy nội địa trên sông Hồng và vùng hồ Thác Bà	Thành phố Yên Bái và các huyện: Trấn Yên, Văn Yên, Yên Bình
42	Nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới bến xe khách, trạm dừng nghỉ, bãi đỗ xe tĩnh, trung tâm đăng kiểm xe cơ giới	Tỉnh Yên Bái
XI	**Cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường và nghĩa trang**	
XI.1	**Cấp nước đô thị và nông thôn**	
1	Dự án hạ tầng cấp nước các đô thị hiện hữu	Thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và các huyện Văn Yên, Lục Yên, Văn Chấn, Mù Cang Chải
2	Dự án hạ tầng cấp nước các đô thị mới (An Thịnh, An Bình, Xuân Ái, Púng Luông, Hưng Khánh, Báo Đáp, Vân Hội, Tú Lệ, Cát Thịnh, Gia Hội,...)	Tỉnh Yên Bái
3	Dự án nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn	Tỉnh Yên Bái
XI.2	**Thoát nước**	
1	Hệ thống thoát nước các đô thị hiện hữu	Thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và các huyện Lục Yên, Trấn Yên, Văn Chấn, Văn Yên, Mù Cang Chải, Trạm Tấu, Yên Bình
2	Hệ thống thoát nước các đô thị mới (Khánh Hòa, An Thịnh, An Bình, Xuân Ái, Púng Luông, Hưng Khánh, Báo Đáp, Tú Lệ, Gia Hội,...)	Huyện Lục Yên
XI.3	**Vệ sinh môi trường và nghĩa trang**	
1	Các khu xử lý chất thải rắn	Tỉnh Yên Bái
2	Nghĩa trang tập trung	Tỉnh Yên Bái

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
XII	**Thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu**	
1	Xây dựng hệ thống hồ đập nông nghiệp: Hồ Đầm Lớn, đập Phai Rin, đập Ngòi Gùa, đập Sài Lương 2, đập Nhiêu Năm 1, đập Nạ Phang, đập Khe Xá 1,...	Thành phố Yên Bái và các huyện Văn Chấn, Trấn Yên, Trạm Tấu, Lục Yên, Yên Bình
2	Dự án đê, kè chống ngập, sạt lở trên hệ thống sông, suối	Tỉnh Yên Bái
3	Dự án lắp đặt hệ thống quan trắc chuyên dùng phục vụ phòng chống thiên tai (41 hồ chứa và các điểm thường xảy ra mưa lớn, điểm có nguy cơ cao xảy ra lũ, lũ quét, sạt lở đất)	Tỉnh Yên Bái
XIII	**Năng lượng**	
1	Dự án nâng cấp, cải tạo trạm biến áp 110kV Yên Thế, Âu Lâu, Trấn Yên, Bảo Hưng, Yên Bình, Mù Cang Chải, Thịnh Hưng	Thành phố Yên Bái và các huyện Lục Yên, Trấn Yên, Mù Cang Chải, Yên Bình
2	Dự án nâng cấp, cải tạo trạm biến áp Yên Bái, Yên Bái 2, Nghĩa Lộ, Ba Khe, Văn Yên	Thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và các huyện Văn Chấn, Văn Yên
XIV	**Thông tin truyền thông**	
1	Dự án chuyển đổi số	Tỉnh Yên Bái
2	Dự án nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin mạng phục vụ chuyển đổi số và phát triển đô thị thông minh; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số xây dựng cơ quan báo chí chủ lực đa phương tiện	Tỉnh Yên Bái
3	Dự án đầu tư nâng cấp chuyển đổi các Đài Truyền thanh cơ sở vô tuyến sang Đài Truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	Tỉnh Yên Bái
4	Xây dựng hệ thống trung tâm Bưu chính tỉnh	Tỉnh Yên Bái
5	Dự án đầu tư xây dựng cở sở hạ tầng số (truyền dẫn, 5G, IoT…)	Tỉnh Yên Bái
6	Ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông	Tỉnh Yên Bái

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
XV	**Hạ tầng khu, cụm công nghiệp**	
1	Đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp	Tỉnh Yên Bái
XVI	**Phát triển đô thị**	
1	Dự án đầu tư phát triển các khu đô thị	Tỉnh Yên Bái
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị thông minh tỉnh Yên Bái	Tỉnh Yên Bái
3	Trung tâm điều hành, giám sát, xử lý dữ liệu đô thị thông minh tỉnh Yên Bái	Tỉnh Yên Bái
XVII	**Bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học**	
1	Đầu tư các trạm quan trắc môi trường	Tỉnh Yên Bái
2	Xử lý, cải tạo, đóng cửa các bãi chôn lấp	Tỉnh Yên Bái
3	Xử lý các điểm tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật	Tỉnh Yên Bái
4	Thành lập mới khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh theo Luật Đa dạng sinh học	Tỉnh Yên Bái
5	Thành lập vườn thực vật và vườn thuốc để lưu giữ các loài đặc trưng của địa phương	Tỉnh Yên Bái
6	Điều tra nghiên cứu phân vùng sinh thái và đánh giá không gian về đa dạng sinh học	Tỉnh Yên Bái
7	Khoanh định ranh giới và cắm mốc quy hoạch 3 loại rừng	Tỉnh Yên Bái
8	Trồng rừng phòng hộ, rừng sản xuất, rừng thay thế	Tỉnh Yên Bái
XVIII	**Bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống khắc phục tác hại do nước gây ra**	
1	Xây dựng mạng lưới quan trắc, giám sát hoạt động khai thác sử dụng, xả nước thải vào nguồn nước trên các sông suối chính	Tỉnh Yên Bái
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước phục vụ chuyển đổi số	Tỉnh Yên Bái
3	Cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước cho các hồ chứa thủy điện, thủy lợi có dung tích > 1 triệu m^3	Tỉnh Yên Bái

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
4	Xác định, công bố dòng chảy tối thiểu và khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước trên các sông nội tỉnh quan trọng	Tỉnh Yên Bái
5	Điều tra, khảo sát thăm dò tìm kiếm nguồn nước dưới đất tại các vùng khan hiếm nước	Tỉnh Yên Bái
XIX	**Quốc phòng, an ninh**	
1	Nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc Bộ chỉ huy quân sự, các đơn vị trực thuộc và Ban chỉ huy quân sự các huyện, thị xã, thành phố và cơ sở hạ tầng khác	Tỉnh Yên Bái
2	Xây dựng trụ sở làm việc các Ban chỉ huy quân sự xã	Tỉnh Yên Bái
3	Nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc Công an tỉnh, huyện, thị xã, thành phố	Tỉnh Yên Bái
4	Xây dựng trụ sở làm việc phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ công an tỉnh; các trụ sở đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ các huyện, thị xã, thành phố	Tỉnh Yên Bái

Ghi chú: Tên, quy mô, địa điểm và phạm vi ranh giới các dự án sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

Phụ lục XIV

DANH MỤC BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH YÊN BÁI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Stt	Tên bản đồ	Tỷ lệ
1	Bản đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh	
2	Các bản đồ về hiện trạng phát triển	1:100.000
3	Bản đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng	1:100.000
4	Bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn	1:100.000
5	Bản đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng	1:100.000
6	Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội	1:100.000
7	Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	1:100.000
8	Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất	1:100.000
9	Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên	1:100.000
10	Bản đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	1:100.000
11	Bản đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện	1:100.000
12	Bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện	1:100.000

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng